

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

VietCredit ✓

TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102766770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/12/2019

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 17, Tòa nhà Mipecc Tower, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.6270 2127

Website : <https://www.vietcredit.com.vn/>

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30/09/2021: 687.872.140.000 đồng

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Hồ Minh Tâm

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : 0976 666 909



MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	4
PHẦN I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	6
I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	6
II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY	6
1. Giới thiệu chung về công ty đại chúng	6
2. Ngành nghề kinh doanh	7
3. Quá trình hình thành và phát triển	8
4. Quá trình tăng vốn	10
5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng	13
III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	13
1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	13
2. Diễn giải chi tiết.....	14
IV. DANH SÁCH VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	17
1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 25/03/2021.....	17
2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	17
3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/03/2021	18
V. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY; NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP CHI PHỐI; NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÔNG TY.....	18
VI. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	18
1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty	18
2. Hiệu quả hoạt động kinh doanh	27
3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	31
4. Trình độ công nghệ.....	33
5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	36
6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	37
7. Hoạt động marketing	38
VII. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM GẦN NHẤT VÀ TRONG KỲ GẦN NHẤT	38

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất	38
2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020	40
VIII.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH.....	42
1.	Triển vọng phát triển ngành tài chính tiêu dùng.....	42
2.	Vị thế của Công ty trong ngành	43
IX.	CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	43
1.	Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động	43
2.	Chính sách đối với người lao động (đào tạo, lương thưởng, trợ cấp).....	45
X.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	46
XI.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	46
1.	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	46
2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	48
XII.	TÀI SẢN	49
1.	Tài sản cố định.....	49
2.	Góp vốn, đầu tư dài hạn.....	50
3.	Tài sản có khác	50
XIII.	KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO.....	53
1.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	53
2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	54
XIV.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.....	56
XV.	CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH.....	56
XVI.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY	57
PHẦN II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	58
I.	CƠ CẤU, THÀNH PHẦN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	58
1.	Ông Nguyễn Đức Phương – Chủ tịch HĐQT.....	58
2.	Ông Hồ Minh Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	59
3.	Ông Nguyễn Chí Hiếu – Thành viên HĐQT không điều hành	61

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

4.	Ông Phạm Hải Âu – Thành viên HĐQT không điều hành.....	62
5.	Ông Nguyễn Quang Tuấn - Thành viên HĐQT không điều hành.....	63
6.	Ông Nguyễn Lâm Trung Anh – Thành viên HĐQT độc lập.....	64
7.	Ông Nguyễn Đức Huỳnh – Thành viên HĐQT.....	66
II.	BAN KIỂM SOÁT.....	68
1.	Ông Trần Việt Phương - Trưởng BKS.....	68
2.	Ông Trần Hồng Giang - Thành viên BKS.....	69
3.	Bà Phạm Lê Lạc Thu - Thành viên BKS.....	70
III.	BAN ĐIỀU HÀNH.....	71
1.	Ông Hồ Minh Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.....	72
2.	Bà Vũ Thục Quyên – Phó Tổng Giám đốc.....	72
3.	Ông Lê Phương Hải – Phó Tổng Giám đốc.....	73
4.	Ông Huỳnh Lê Khanh – Phó Tổng Giám đốc.....	74
5.	Bà Trần Thị Vân Anh – Kế toán trưởng.....	75
	PHẦN III.PHỤ LỤC.....	87
I.	Phụ lục 01: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty ...	87
II.	Phụ lục 02: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.....	87
III.	Phụ lục 03: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty	87

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tóm tắt các đợt tăng vốn của Công ty.....	10
Bảng 2: Thành viên Hội đồng quản trị	15
Bảng 3: Thành viên Ban Kiểm soát.....	15
Bảng 4: Thành viên Ban Điều hành.....	16
Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 25/03/2021	17
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 25/03/2021	18
Bảng 7: Nguồn vốn huy động của Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	19
Bảng 8: Cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	21
Bảng 9: Phân loại dư nợ cho vay khách hàng theo chất lượng khoản vay	23
Bảng 10: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	23
Bảng 11: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	24
Bảng 12: Chi tiết các khoản trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	25
Bảng 13: Tiền gửi tại NHNN và tiền gửi tại các TCTD khác	26
Bảng 14: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	27
Bảng 15: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	28
Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận thuần giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	30
Bảng 17: Một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	38
Bảng 18: Cơ cấu lao động.....	44
Bảng 19: Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình	46
Bảng 20: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47
Bảng 21: Số dư các quỹ giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	48
Bảng 22: Nợ phải trả giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	48
Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	48
Bảng 24: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2021.....	50
Bảng 25: Góp vốn, đầu tư dài hạn giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	50
Bảng 26: Các Tài sản cố khác giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021	51

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Bảng 27: Chi tiết Tài sản có khác giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021.....	51
Bảng 28: Thông tin về các tài sản gán nợ giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021.....	52
Bảng 29: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021	53
Bảng 30: Các khoản nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng của Công ty.....	56
Bảng 31: Danh sách thành viên HĐQT	58
Bảng 32: Danh sách thành viên BKS.....	68
Bảng 33: Danh sách thành viên Ban điều hành	71
Bảng 34: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty	77
Bảng 35: Số dư với các bên liên quan	84
Bảng 36: Các giao dịch lớn với các bên liên quan.....	85

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

PHẦN I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT


Công ty/Tín Việt/VietCredit	Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BCTC	Báo cáo tài chính
Người có liên quan	Gồm cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định của pháp luật
GCNĐKDN	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DTT	Doanh thu thuần
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TSCĐ	Tài sản cố định
TCTD	Tổ chức tín dụng
VCSH	Vốn chủ sở hữu
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
ROAA	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROAE	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
CP	cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
n/a	Không có thông tin hoặc không áp dụng

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. Giới thiệu chung về công ty đại chúng

Tên Công ty	: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Tên tiếng Anh	: VietCredit Finance Joint Stock Company
Tên viết tắt	: Công ty Tài chính Tín Việt
Địa chỉ trụ sở chính	: Tầng 17, Tòa nhà Mipec Tower, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Điện thoại	:	024.6270 2127
Email	:	phucvu247@vietcredit.com.vn
Website	:	https://www.vietcredit.com.vn/
Giấy CNĐKDN	:	số 0102766770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/12/2019
Giấy phép thành lập và hoạt động	:	số 59/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/06/2018
Người đại diện theo pháp luật	:	Hồ Minh Tâm - Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký	:	687.872.140.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	687.872.140.000 đồng
Logo	:	

2. Ngành nghề kinh doanh

2.1 Huy động vốn:

- Nhận tiền gửi của tổ chức;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;
- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN.

2.2 Hoạt động cấp tín dụng:

- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyên nhượng, các giấy tờ có giá khác;
- Bảo lãnh ngân hàng;
- Phát hành thẻ tín dụng;
- Bao thanh toán;
- Cho thuê tài chính;
- Các hình thức cấp tín dụng khác (sau khi được NHNN chấp thuận).

2.3 Các hoạt động khác:

- Mở tài khoản tiền gửi tại NHNN;

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối;
- Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;
- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép, ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng theo quy định của NHNN;
- Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật;
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước trong phạm vi do NHNN quy định;
- Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm;
- Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư;
- Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản cho khách hàng.

3. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VietCredit) tiền thân là Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) được thành lập ngày 29/05/2008 theo Quyết định số 142/GP-NHNN của NHNN. Vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng, với 03 cổ đông sáng lập chiếm 61,5% vốn điều lệ là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Tổng Công ty Thép Việt Nam. Công ty hoạt động theo GCNĐKDN số 0103025068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008;
- Ngày 10/03/2009, Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng được NHNN cấp phép kinh doanh ngoại hối;
- Ngày 22/04/2009, Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng đã chính thức trở thành thành viên thứ 52 của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam;
- Tháng 06/2010, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thành công lên 604.921.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

viên.

- Ngày 16/08/2010, Công ty được NHNN cho phép thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu của việc thành lập Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh là để mở rộng thị trường, phát triển khách hàng theo chiến lược hoạt động của Công ty. Ngày 27/11/2010, Chi nhánh chính thức khai trương đi vào hoạt động.
- Tháng 04/2013, Công ty chuyển trụ sở từ 28 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội về địa điểm mới tại 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.
- Ngày 03/08/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp GCNĐKDN thay đổi lần thứ 8 cho Công ty, theo đó CFC được phép thực hiện nghiệp vụ Cho thuê tài chính.
- Ngày 24/11/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp GCNĐKDN số 0102766770 thay đổi lần thứ 9 cho CFC, theo đó CFC được phép thực hiện nghiệp vụ Phát hành thẻ tín dụng.
- Ngày 23/04/2018, Đại hội đồng cổ đông CFC thông qua việc thay đổi tên, logo, website, tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Công ty. Theo đó, Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) được đổi tên thành Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VietCredit).
- Ngày 18/06/2018, NHNN đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/GP-NHNN cho Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt trên cơ sở cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng.
- Ngày 01/08/2018, UBCKNN đã ban hành Công văn số 4759/UBCK-GSĐC, theo đó Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt chính thức trở thành Công ty đại chúng.
- Ngày 28/09/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp GCNĐKDN số 0102766770 thay đổi lần thứ 11 cho VietCredit, theo đó VietCredit được phép thực hiện cho vay cá nhân, bao gồm cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng.
- Ngày 25/10/2018, NHNN đã có Công văn số 8028/NHNN-TTGSNH về việc chấp thuận cho VietCredit tăng vốn điều lệ từ 604.921.000.000 đồng lên 1.070.371.390.000 đồng. Theo đó:
 - + Ngày 21/11/2018, VietCredit đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ các quỹ của Công ty lên mức 668.981.680.000 đồng.
 - + Tháng 05/2019, VietCredit đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 668.981.680.000 đồng lên 687.872.140.000 đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng, không đạt mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành theo Phương án tăng

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

vốn đã được NHNN chấp thuận (1.070.371.390.000 đồng) do điều kiện thị trường diễn biến không thuận lợi.

- Ngày 28/10/2019, VietCredit được NHNN cấp Quyết định số 2242/QĐ-NHNN về việc sửa đổi vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt. Theo đó, vốn điều lệ của VietCredit là 687.872.140.000 đồng.

4. Quá trình tăng vốn

Năm 2008, Công ty được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 300.000.000.000 đồng. Trải qua 03 lần phát hành tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 687.872.140.000 đồng. Các đợt tăng vốn của Công ty được tóm tắt theo bảng dưới đây:

Bảng 1: Tóm tắt các đợt tăng vốn của Công ty

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (triệu đồng)	Hình thức và mục đích phát hành	Căn cứ pháp lý của đợt phát hành
Tại thời điểm thành lập	02/06/2008		300.000		Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103025068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2008
Lần 01	18/06/2010	304.921	604.921	<ul style="list-style-type: none">- Phát hành 29.774.400 cổ phần cho 417 cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá 11.500 đồng/cổ phần;- Phát hành 717.700 cổ phần cho 39 cán bộ nhân viên với giá 11.500 đồng/cổ phần.	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định của ĐHĐCĐ số 209/2010/CFC-QĐ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2010;- Công văn số 3249/NHNN-TTGSNH ngày 04/05/2010 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng;- Công văn số 1328/NHNN-HAN8 ngày 06/08/2010 của NHNN về việc xác nhận vốn điều lệ của CFC;- GCNĐKDN số 0102766770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 02 ngày 15/09/2010.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (triệu đồng)	Hình thức và mục đích phát hành	Căn cứ pháp lý của đợt phát hành
				- Mục đích phát hành: Bổ sung vốn kinh doanh.	
Lần 02 (*)	19/11/2018	64.060,68	668.981,68	Phát hành 6.406.068 cổ phần để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho 110 cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:10,59. Mục đích phát hành: Đầu tư cơ sở vật chất công nghệ, TSCĐ và Bổ sung vốn kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 158/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018; - Công văn số 8028/NHNN-TTGSNH ngày 25/10/2018 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt; - Công văn số 7498/UBCK-QLCB ngày 08/11/2018 của UBCKNN về tài liệu báo cáo phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu số 973/2018/VietCredit-BC ngày 21/11/2018 của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt; - Xác nhận kết quả chào bán của UBCKNN.
Lần 03	21/05/2019	18.890,46	687.872,14	Phát hành 1.889.046 cổ phần cho 8 cổ đông hiện hữu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phần theo tỷ lệ 5:3 (**)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 158/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018; - Công văn số 8028/NHNN-TTGSNH ngày 25/10/2018 của NHNN về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt;

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Lần	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (triệu đồng)	Hình thức và mục đích phát hành	Căn cứ pháp lý của đợt phát hành
				Mục đích phát hành: Đầu tư cơ sở vật chất công nghệ, TSCĐ và Bổ sung vốn kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 05/GCN-UBCK ngày 22/01/2019 do UBCKNN cấp; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu số 318/2019/VietCredit-BC ngày 24/05/2019 của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt; - Công văn số 3330/UBCK-QLCB ngày 30/05/2019 của UBCKNN về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Quyết định số 2242/QĐ-NHNN ngày 28/10/2019 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt; - GCNĐKDN số 0102766770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 09 ngày 30/12/2019.

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

() Cả hai lần tăng vốn năm 2018, 2019 đều nằm trong phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua tại Nghị quyết số 158/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 và được NHNN chấp thuận cho tăng vốn điều lệ từ 604.921.000.000 đồng lên 1.070.371.390.000 đồng tại công văn số 8028/NHNN-TTGSNH ngày 25/10/2018. Vì vậy, sau khi VietCredit hoàn thành cả hai lần tăng vốn thì NHNN mới có Quyết định số 2242/QĐ-NHNN ngày 28/10/2019 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Theo đó, Công ty đã thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9 chung cho cả hai lần tăng vốn.*

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

(**) Theo phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua tại Nghị quyết số 158/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018, số lượng cổ phần dự kiến chào bán của đợt tăng vốn lần 03 là 40.138.926 cổ phần. Tuy nhiên, Công ty chỉ thực hiện phát hành thành công 1.889.046 cổ phần.

5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

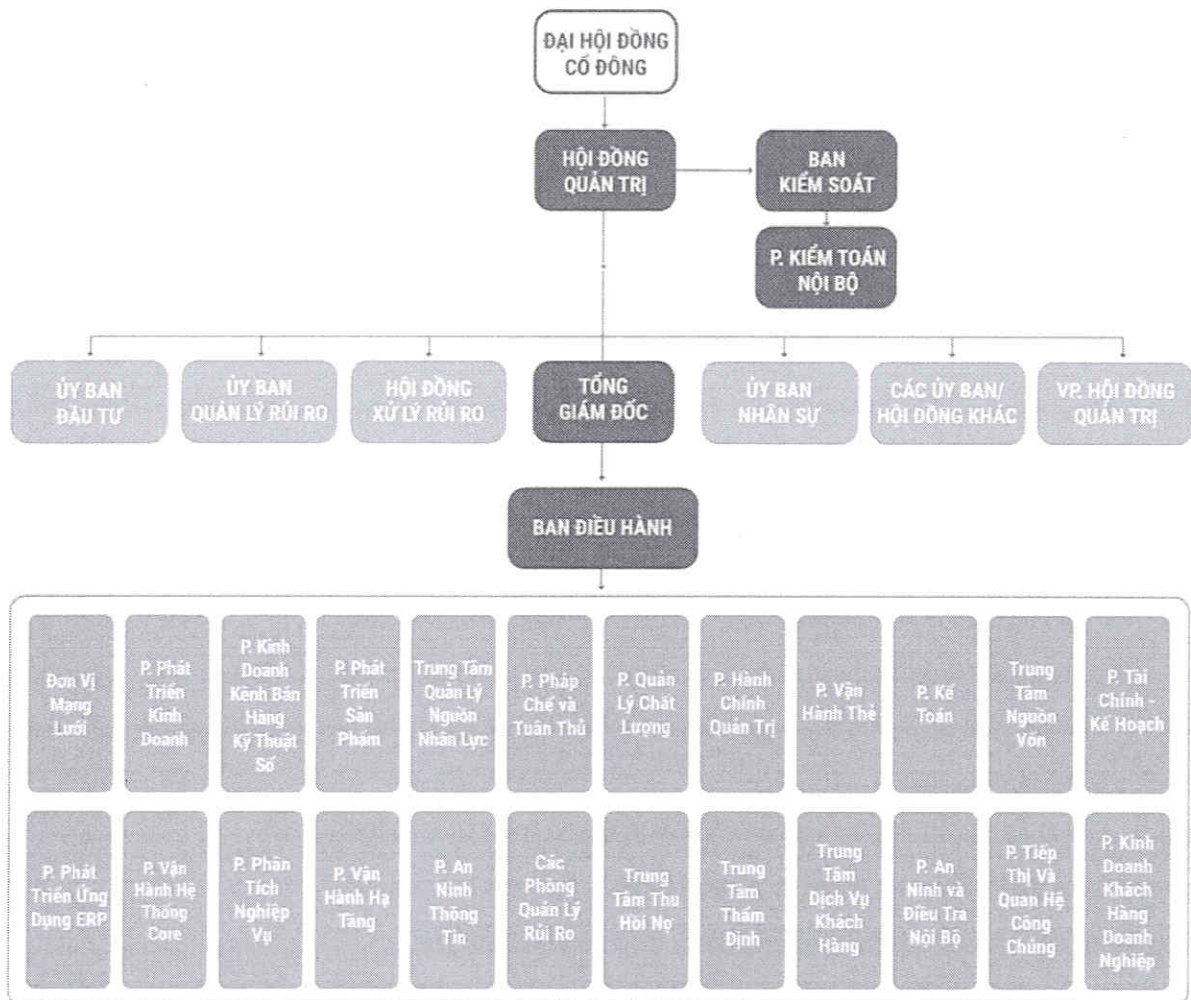
- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán 2019: 02/03/2021 (theo Công văn số 686/UBCK-GSDC ngày 02/03/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
- Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng (02/03/2021):
 - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 108 cổ đông.
 - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 58.752.482 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 85,41% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty).

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Bộ máy tổ chức của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT



Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

2. Diễn giải chi tiết

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, trong đó có quyền bầu, bãi miễn thành viên HĐQT và BKS hoặc các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của ĐHĐCĐ.

2.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo từng kỳ Đại hội nhưng không ít hơn 05 (năm) thành viên và không được vượt quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên HĐQT

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

hiện nay là 07 người bao gồm 01 Chủ tịch và 06 thành viên.

Bảng 2: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đức Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hồ Minh Tâm	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên HĐQT
4	Ông Phạm Hải Âu	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Quang Tuấn	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Nguyễn Đức Huỳnh	Thành viên HĐQT

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

2.3. Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Bộ máy quản lý.

Số lượng thành viên BKS hiện nay gồm 03 người.

Bảng 3: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Việt Phương	Trưởng BKS
2	Ông Trần Hồng Giang	Thành viên BKS
3	Bà Phạm Lê Lạc Thu	Thành viên BKS

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

2.4. Ban Điều hành

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công phụ trách.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Ban Điều hành của Công ty hiện nay gồm có 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

Bảng 4: Thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hồ Minh Tâm	Tổng Giám đốc
2	Bà Vũ Thục Quyên	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Phương Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Huỳnh Lê Khanh	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Trần Thị Vân Anh	Kế toán trưởng

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

2.5. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ chính

STT	Tên các Trung tâm/ Phòng nghiệp vụ	Tên các Phòng trực thuộc trung tâm	Nhóm chức năng
1	Phòng Phát triển kinh doanh		Kênh bán hàng và phân phối
	Phòng Phát triển sản phẩm		
	Phòng Kinh doanh kênh bán hàng kỹ thuật số		
	Đơn vị mạng lưới		
2	Trung tâm Quản lý nguồn nhân lực	Phòng Chính sách nhân sự	Quản lý nhân sự
		Phòng Tuyển dụng	
		Phòng Đào tạo	
3	Phòng Pháp chế Tuân thủ		Hỗ trợ
	Phòng Quản lý chất lượng		
	Phòng Vận hành thẻ		
	Phòng Hành chính quản trị		
4	Phòng Tài chính kế hoạch		Tài chính và Kế toán
	Phòng Kế toán		
5	Trung tâm Huy động vốn	Phòng Huy động vốn Định chế tài chính	Quản lý nguồn vốn
		Phòng Huy động vốn Khách hàng doanh nghiệp	
		Phòng Vận hành giao dịch nguồn vốn	
6	Phòng Phát triển ứng dụng ERP		Công nghệ thông tin
	Phòng Vận hành hệ thống Core		
	Phòng Phân tích nghiệp vụ		
	Phòng Vận hành hạ tầng		

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Tên các Trung tâm/ Phòng nghiệp vụ	Tên các Phòng trực thuộc trung tâm	Nhóm chức năng
	Phòng An ninh thông tin		
7	Trung tâm Thẩm định	Phòng Thẩm định Phòng Phê duyệt	
8	Trung tâm Thu hồi nợ	Phòng Hỗ trợ tín dụng và Kiểm soát giải ngân	Quản lý khoản vay phải thu
		Phòng Thu nợ qua điện thoại	
		Phòng Thu nợ hiện trường	
		Phòng Thu hồi nợ pháp lý	
	Phòng Vận hành thu hồi nợ		
	Trung tâm Dịch vụ khách hàng	Phòng Dịch vụ khách hàng	
9	Các Phòng Quản lý rủi ro		Quản lý rủi ro
	Phòng An ninh điều tra nội bộ		
10	Phòng Tiếp thị và quan hệ công chúng		Quản lý thương hiệu và Hỗ trợ bán hàng.
11	Phòng Khách hàng doanh nghiệp		Kênh bán hàng
12	Phòng Kiểm toán nội bộ		Đánh giá độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ
13	Văn phòng HĐQT		Hỗ trợ, tham mưu cho HĐQT

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 25/03/2021

Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 25/03/2021 (*)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ/Trụ sở	Số ĐKDN	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
01	Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	0100106320	10.034.732	14,59%
Tổng cộng				10.034.732	14,588%

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

(*) Ghi chú: Tính đến thời điểm lập Bản công bố thông tin này, danh sách cổ đông của Công ty không thay đổi so với tại ngày 25/03/2021.

2. Cổ đông sáng lập

Cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 02/06/2011. Hiện nay Công ty còn 01 cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam nắm giữ 10.034.732 cổ phần (tương đương 14,59% vốn điều lệ Công ty).

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/03/2021

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 25/03/2021

STT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	109	68.787.214	100%
1.1	Nhà nước	1	10.034.732	14,59%
1.2	Tổ chức	1	44.236	0,06%
1.3	Cá nhân	107	58.708.246	85,35%
2	Nước ngoài	-	-	-
2.1	Tổ chức nước ngoài; Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
2.2	Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	109	68.787.214	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	1	10.034.732	14,59%
2	Cổ đông khác	108	58.752.482	85,41%
	Tổng cộng	109	68.787.214	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt chốt tại ngày 25/03/2021

V. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY; NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP CHI PHỐI; NHỮNG CÔNG TY NẴM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÔNG TY

Không có.

VI. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Hiện tại, Công ty hoạt động trong 04 lĩnh vực chính sau:

1.1. Hoạt động huy động vốn

Nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho tăng trưởng tín dụng đồng thời duy trì thanh khoản, tuân

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

thủ nghiêm ngặt các yêu cầu an toàn vốn theo quy định của NHNN như tỷ lệ khả năng chi trả, các tỷ lệ về sử dụng vốn ..., Công ty luôn ưu tiên triển khai các sản phẩm huy động cũng như các chương trình thúc đẩy huy động vốn kỳ hạn dài trên 12 tháng dành cho các khách hàng doanh nghiệp, tổ chức, định chế tài chính và chú trọng các hoạt động chăm sóc khách hàng, duy trì và phát triển đa dạng nền tảng khách hàng, đảm bảo tính ổn định dài hạn của Công ty.

Một số sản phẩm huy động vốn nổi bật của Công ty như sau:

- Chứng chỉ tiền gửi với kỳ hạn đa dạng (từ 01 đến 36 tháng) và phương thức trả lãi linh hoạt, phù hợp với nhu cầu dòng tiền của khách hàng (trả lãi cuối kỳ/định kỳ hàng tháng, hàng quý, ...);
- Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ các tổ chức kinh tế;
- Nhận tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- Nhận vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro.

Là tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên hoạt động huy động vốn, nhận tiền gửi của Công ty chịu nhiều quy định chặt chẽ hơn so với các ngân hàng thương mại khác. Chi tiết nguồn vốn huy động của Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 7: Nguồn vốn huy động của Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Phát hành giấy tờ có giá	1.422.100	59,92%	2.636.000	63,62%	3.271.000	76,38%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	812.406	34,23%	1.367.937	33,02%	880.000	20,55%
Tiền gửi của khách hàng	4.116	0,17%	30.900	0,75%	36.078	0,84%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	134.763	5,68%	108.265	2,61%	95.428	2,23%
Tổng cộng	2.373.385	100%	4.143.103	100%	4.282.505	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty
Tổng nguồn vốn huy động của Công ty có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2020, đạt 4.143 tỷ đồng (tăng 74,6% so với năm 2019). Đóng góp lớn nhất vào mức tăng ấn tượng này là từ Phát hành giấy tờ có giá và Tiền gửi và vay các TCTD khác với mức tăng lần lượt đạt 85,4% và 68,4% so với năm

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

2019. Theo đó, số dư huy động từ phát hành giấy tờ có giá và tiền gửi và vay các TCTD khác lần lượt đạt 2.636 tỷ đồng và 1.368 tỷ đồng (chiếm 63,62% và 33,02% cơ cấu tổng nguồn vốn huy động của Công ty trong năm 2020). Trong khi đó, Tiền gửi của khách hàng và Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu huy động của Công ty (tổng cộng 02 nguồn này chỉ chiếm 3,3% - 5,8% trong 02 năm 2019 – 2020).

09 tháng đầu năm 2021, tổng nguồn vốn huy động của Công ty đạt 4.283 tỷ đồng, tăng nhẹ (3,4%) so với thời điểm cuối năm 2020. Phát hành giấy tờ có giá tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao (24,1%), đạt 3.271 tỷ đồng tại 30/09/2021 và chiếm 76,38% trong cơ cấu huy động của Công ty. Trái lại, tiền gửi và vay các TCTD khác sụt giảm đáng kể so với thời điểm cuối năm 2020 (giảm 35,7% so với cuối năm 2020), chỉ còn 880 tỷ đồng tại ngày 30/09/2021.

1.2. Hoạt động cấp tín dụng

Với định hướng chiến lược tập trung vào mảng tài chính tiêu dùng, năm 2018 Công ty đã cho ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng nội địa và hiện tại đây cũng là sản phẩm chủ lực duy nhất của Công ty với nhiều tiện ích và tính năng vượt trội.

Hình ảnh sản phẩm thẻ tín dụng nội địa của VietCredit



VietCredit là công ty tài chính tiên phong tại Việt Nam cho ra đời sản phẩm Thẻ tín dụng nội địa trên thị trường tài chính tiêu dùng nhằm đem đến giải pháp tài chính hữu hiệu, đáp ứng nhu cầu chi tiêu hàng ngày hoặc dự phòng tài chính những tình huống cấp bách, từ đó góp phần nâng tầm cuộc sống của người dân Việt Nam.

Một số tính năng vượt trội của Thẻ tín dụng nội địa VietCredit mà không có sản phẩm nào trên thị trường có tính năng tương tự, cụ thể:

- **Thẻ có thời gian sử dụng đến 36 tháng:** Khách hàng có thể rút – trả tiền nhiều lần trong hạn mức tín dụng đã được VietCredit cấp mà không cần phải thực hiện lại các thủ tục, chi

phí liên quan, do đó vừa tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng.

- **Chính sách không phí:** VietCredit không tính phí cho khách hàng như phí mở thẻ, phí thường niên, phí tất toán trước hạn... Đồng thời khách hàng được hưởng thêm 0% lãi suất trong vòng 7 ngày đầu tiên kể từ khi kích hoạt thẻ. Chính sách này giúp giảm gánh nặng chi phí khi đi vay và giúp khách hàng chi tiêu thoải mái hơn.
- **Tính linh hoạt:** Khách hàng có thể thanh toán toàn bộ dư nợ trước hạn nếu khách hàng có đủ khả năng tài chính mà không bị phạt bất kỳ một khoản phí nào.
- **Tính chủ động, tiện lợi:** Thẻ có thể được sử dụng để rút tiền mặt 24/7 tại tất cả các ATM của các ngân hàng trong hệ thống NAPAS trên toàn quốc. Nhờ đó, chủ thẻ khi có nhu cầu tiêu dùng chỉ cần rút đúng số tiền mình cần để chi tiêu, không cần giữ số lượng tiền mặt nhiều.

1.2.1 Mạng lưới các điểm giới thiệu/cung cấp dịch vụ của Công ty

Đối với các Công ty tài chính hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, mạng lưới các điểm giới thiệu/cung cấp dịch vụ, mức độ phủ sóng sản phẩm, dịch vụ là yếu tố tối quan trọng để đẩy mạnh doanh số cho vay, nâng cao thu nhập của Công ty. Nhận thức được vấn đề này, trong những năm qua Công ty đã tập trung xây dựng và hoàn thiện các điểm giới thiệu cung cấp dịch vụ trên khắp toàn quốc. Hiện tại, Công ty sở hữu hệ thống 59 điểm cung cấp dịch vụ, bao phủ 36 tỉnh thành trải dài trên cả 3 miền đất nước, tập trung chủ yếu ở các trung tâm thương mại, siêu thị và các khu công nghiệp trong và gần các thành phố lớn nhằm hướng đến phân khúc khách hàng trẻ, sống ở đô thị. Tuy nhiên, việc mở rộng mạng lưới dịch vụ vật lý sẽ tiêu tốn rất nhiều chi phí đầu tư ban đầu cũng như nguồn nhân lực và thời gian phát triển, do vậy, Công ty cũng đang tập trung nghiên cứu phát triển các kênh bán hàng kỹ thuật số (thông qua website, ứng dụng điện thoại, ...) nhằm mở rộng nhanh chóng và đa dạng hóa nền tảng khách hàng của Công ty.

1.2.2 Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Bảng 8: Cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Phân theo kỳ hạn						
1	Nợ ngắn hạn	65.856	3,54%	38.725	1,28%	8.660	0,26%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
2	Nợ trung hạn	1.789.505	96,20%	2.973.430	98,30%	3.323.108	99,38%
3	Nợ dài hạn	4.752	0,26%	12.583	0,42%	12.018	0,36%
II	Phân theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp						
1	Cho vay các tổ chức kinh tế	53.708	2,89%	15.666	0,52%	5.697	0,17%
2	Cho vay cá nhân và đoàn thể	1.806.405	97,11%	3.009.072	99,48%	3.338.089	99,83%
III	Phân theo ngành nghề kinh doanh						
1	Công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu xây dựng	21.857	1,18%	9.890	0,33%	-	-
2	Công nghiệp khai thác mỏ	-	-	4.500	0,15%	4.500	0,13%
3	Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	1.851	0,10%	1.276	0,04%	1.197	0,04%
4	Tài chính, bảo hiểm	30.000	1,61%	-	-	-	-
5	Hoạt động dịch vụ cá nhân và cộng đồng	1.806.405	97,11%	3.009.072	99,48%	3.338.089	99,83%
	Tổng cộng	1.860.113	100%	3.024.738	100%	3.343.786	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Nhờ tập trung đẩy mạnh hiệu quả hoạt động mạng lưới cung cấp dịch vụ và liên tục cải tiến quy trình cấp tín dụng, dư nợ cho vay khách hàng tính đến hết năm 2020 của Công ty đạt 3.024,7 tỷ đồng, tăng gần 63% so với cuối năm 2019, trong đó dư nợ cho vay qua thẻ tín dụng đạt 3.009,1 tỷ đồng, chiếm 99,48% dư nợ cho vay toàn Công ty. Do đặc thù sản phẩm thẻ tín dụng nội địa của VietCredit, dư nợ cho vay của Công ty tập trung chủ yếu ở kỳ hạn trung hạn (chiếm xấp xỉ 96 -

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

98% tổng dư nợ cho vay khách hàng giai đoạn 2019 - 2020), đạt 2.973,4 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2020. Cơ cấu dư nợ cho vay phân theo đối tượng khách hàng và ngành nghề kinh doanh giai đoạn 2019 - 2020 cũng thể hiện rõ chiến lược tập trung vào lĩnh vực cho vay tiêu dùng của Công ty khi dư nợ cho vay cá nhân chiếm tỷ trọng trên 97% tổng dư nợ cho vay khách hàng giai đoạn này, đạt 3.009 tỷ đồng năm 2020.

Sang năm 2021, dư nợ cho vay toàn Tổng Công ty đạt 3.343,8 tỷ đồng tại 30/09/2021, tăng 10,6% so với cuối năm 2020. Trong đó, dư nợ cho vay cá nhân (qua thẻ tín dụng) đạt 3.338 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 99,83% dư nợ cho vay toàn Công ty và tăng trưởng 10,9% so với cuối năm 2020.

1.2.3 Chất lượng nợ cho vay

**Bảng 9: Phân loại dư nợ cho vay khách hàng theo chất lượng khoản vay
giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)	1.727.507	92,87%	2.557.655	84,56%	2.653.748	79,36%
Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)	20.366	1,09%	226.352	7,48%	366.919	10,97%
Nợ dưới tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)	94.770	5,09%	150.478	4,97%	239.678	7,17%
Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)	16.120	0,87%	83.844	2,77%	71.377	2,13%
Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)	1.350	0,07%	6.409	0,21%	12.064	0,36%
Tổng cộng	1.860.113	100%	3.024.738	100%	3.343.786	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Bảng 10: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dự phòng chung	13.420	27,89%	21.124	20,32%	24.988	18,13%
Dự phòng cụ thể	34.703	72,11%	82.832	79,68%	112.837	81,87%
Tổng cộng	48.123	100%	103.956	100%	137.825	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Công tác quản trị rủi ro, thu hồi nợ quá hạn và nợ xấu, hạn chế phát sinh các khoản nợ quá hạn và nợ xấu mới luôn được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm và có nhiều chỉ đạo quyết liệt để đảm bảo mục tiêu duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tài sản. Nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được Công ty nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Công ty trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.3. Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ

Bên cạnh hoạt động cấp tín dụng truyền thống, Công ty có các hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ nhằm tận dụng các cơ hội của thị trường và xu hướng lãi suất để tối đa hóa lợi nhuận trên các dòng vốn huy động của Công ty, đồng thời gắn liền với kiểm soát và quản lý rủi ro thanh khoản, lãi suất.

Bảng 11: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	445.769	62,72%	923.731	78,47%	426.931	63,49%
Chứng khoán Chính phủ, chứng khoán chính quyền địa phương	109.590	15,42%	-	-	-	-
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	130.404	18,35%	425.246	36,13%	280.157	41,66%
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	205.775	28,95%	499.985	42,47%	150.000	22,31%
Dự phòng chứng chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	(1.500)	(0,13%)	(3.226)	(0,48%)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	264.913	37,28%	253.399	21,53%	245.549	36,51%
Chứng khoán nợ (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	44.200	6,22%	40.200	3,42%	40.200	5,98%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	(332)	(0,05%)	(302)	(0,03%)	(302)	(0,04%)
Giá gốc trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (*)	241.002	33,91%	241.002	20,47%	241.002	35,84%
Dự phòng cho trái phiếu đặc biệt (*)	(19.957)	(2,81%)	(27.501)	(2,34%)	(35.351)	(5,26%)
Tổng cộng	710.682	100%	1.177.130	100%	672.480	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

(*) Thông tin chi tiết về các khoản trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành của Công ty như sau:

Bảng 12: Chi tiết các khoản trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên Công ty	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Thời hạn trái phiếu (năm)	Giá gốc trái phiếu	Dự phòng cho trái phiếu tại		
						31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	CTCP Med-Aid Công Minh	VAMCB-0517102	29/12/2015	10	80.000	(18.700)	(23.644)	(29.544)
2	CTCP Thép tấm lá Thống Nhất	VAMC B-0518397	31/12/2016	10	33.000	-	-	-
3	CTCP Thép tấm lá Thống Nhất	VAMC B-0518398	31/12/2016	10	96.000	-	-	-
4	CTCP Thép tấm lá Thống Nhất	VAMCB-518823	29/08/2017	5	19.002	(1.257)	(1.257)	(1.257)
5	Ngân Trung	VAMCCB-519951	24/12/2019	5	13.000	-	(2.600)	(4.550)
Tổng cộng					241.002	(19.957)	(27.501)	(35.351)

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

Năm 2020, hoạt động đầu tư chứng khoán nợ của Công ty tăng mạnh, đạt 1.177,1 tỷ đồng, tăng 65,6% so với cuối năm 2019. Trong đó, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán luôn chiếm tỷ trọng cao và có xu hướng tăng dần trong hoạt động đầu tư của Công ty (đạt 923,7 tỷ đồng, chiếm 78,47% chứng khoán đầu tư tại cuối năm 2020). Việc phân loại vào mục chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán giúp Công ty có thể chủ động nắm bắt và tận dụng được cơ hội trên thị trường, nâng cao hiệu

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

quả hoạt động kinh doanh.

1.4. Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường tiền tệ

Là hoạt động kinh doanh đặc thù không thể thiếu của các công ty tài chính, hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường tiền tệ được Công ty thực hiện linh hoạt nhằm tạo sự chủ động về nguồn vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh cũng như duy trì, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trên thị trường. Theo đó, Công ty đã chủ động cân đối nguồn vốn thông qua việc lập kế hoạch, dự báo dòng tiền đầu ra từ hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như dòng tiền đầu vào từ hoạt động huy động vốn của các tổ chức kinh tế, từ đó triển khai thực hiện linh hoạt hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng.

**Bảng 13: Tiền gửi tại NHNN và tiền gửi tại các TCTD khác
giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi tại NHNN	351	0,18%	98	0,03%	124	0,02%
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	195.556	99,82%	341.301	99,97%	686.298	99,98%
Tổng cộng	195.907	100%	341.399	100%	686.422	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

1.5. Hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý bảo hiểm

Ngoài các sản phẩm nghiệp vụ truyền thống của công ty tài chính tiêu dùng, Công ty còn kinh doanh dịch vụ đại lý bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm người vay tín dụng. Đây là dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động cấp tín dụng của Công ty và được Công ty đẩy mạnh triển khai từ năm 2020. Thông tin chi tiết về sản phẩm bảo hiểm này như sau:

- **Tên sản phẩm:** Bảo hiểm Người vay tín dụng
- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các Chủ thẻ là khách hàng cá nhân đang sử dụng Thẻ tín dụng nội địa của VietCredit và đồng ý tham gia bảo hiểm
- **Đơn vị cung cấp bảo hiểm:** Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (VASS)
- **Phạm vi bảo hiểm:** Trong thời hạn bảo hiểm, Chủ thẻ (Người được bảo hiểm) sẽ được VASS thay mặt Chủ thẻ chi trả toàn bộ Dư nợ còn lại của hạn mức Thẻ tín dụng nội địa cho VietCredit khi xảy ra một trong các sự kiện bảo hiểm sau đây:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- (i) Tử vong do tai nạn/bệnh
- (ii) Bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh, tai nạn
- (iii) Bị mất tích theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- **Phí bảo hiểm:** 5,5% x Hạn mức tín dụng được phê duyệt
- **Thời hạn bảo hiểm:** tối đa 36 tháng

2. Hiệu quả hoạt động kinh doanh

2.1. Cơ cấu doanh thu

Bảng 14: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	420.429	82,42%	932.693	84,45%	1.033.672	86,03%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	88.598	17,37%	160.701	14,55%	152.868	12,72%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.161	0,42%	2.090	0,19%	612	0,05%
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(7.528)	(1,48%)	-	-	-	-
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	611	0,12%	-	-	55	0,005%
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác	5.829	1,14%	8.907	0,81%	14.279	1,19%
Tổng cộng	510.099	100%	1.104.391	100%	1.201.486	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty
 Năm 2020, doanh thu từ các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 1.104,4 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2019 (tăng 116,5%). Đóng góp chủ yếu vào kết quả hoạt động kinh doanh ấn

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

tượng này là từ tăng trưởng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (tăng xấp xỉ 122%, đạt 932,7 tỷ đồng năm 2020). Đây cũng là mảng hoạt động chủ lực của Công ty khi chiếm tỷ trọng từ 82 – 85% trong tổng doanh thu hoạt động của Công ty giai đoạn 2019 - 2020.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu doanh thu của Công ty, chiếm khoảng 14,5% - 17,4% tổng doanh thu giai đoạn 2019 – 2020. Trong năm 2020, doanh thu dịch vụ tăng trưởng 81,4%, đạt 160,7 tỷ đồng nhờ sự bứt phá từ hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý bảo hiểm (đạt 53,6 tỷ đồng năm 2020, năm 2019 Công ty gần như không có doanh thu từ hoạt động này).

Khoản thu nhập từ các hoạt động còn lại của Công ty (hoạt động kinh doanh ngoại hối, mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, hoạt động kinh doanh khác) chỉ chiếm tỷ trọng không đáng kể (khoảng 1% trong giai đoạn 2019 – 2020).

09 tháng đầu năm 2021, doanh thu của Công ty tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, đạt 1.201,5 tỷ đồng, tăng 64,9% so với cùng kỳ 2020. Trong đó, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 1.033,7 tỷ đồng, tương đương 86,03% tổng doanh thu của Công ty trong kỳ. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn thứ hai, đạt 152,9 tỷ đồng, tương đương 12,72% tổng doanh thu của Công ty.

2.2. Cơ cấu chi phí

Bảng 15: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT	Giá trị	Tỷ lệ/DTT	Giá trị	Tỷ lệ/DTT
Chi phí hoạt động	241.413	47,33%	376.741	34,11%	356.719	29,69%
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	135.312	26,53%	236.583	21,42%	248.383	20,67%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	82.328	16,14%	373.803	33,85%	436.320	36,32%
Chi phí hoạt động dịch vụ	19.868	3,89%	64.457	5,84%	45.667	3,80%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT	Giá trị	Tỷ lệ/DTT	Giá trị	Tỷ lệ/DTT
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	886	0,17%	1.000	0,09%	31	0,003%
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư (bao gồm Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư)	1.201	0,24%	2.317	0,21%	8.570	0,71%
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	14.665	2,87%	16.877	1,53%	19.911	1,66%
Tổng cộng	495.673	97,17%	1.071.778	97,05%	1.115.601	92,85%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Trong giai đoạn 2019 – 2020, các khoản mục chi phí có xu hướng tăng (năm 2020 tăng 116% so với năm 2019) do Công ty mở rộng quy mô hoạt động. Tuy tăng về giá trị tuyệt đối nhưng tỷ lệ tổng chi phí trên doanh thu thuần lại giảm nhẹ trong giai đoạn này.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là chi phí hoạt động, đạt 376,7 tỷ đồng năm 2020, tương đương 34,11% doanh thu thuần của Công ty. Chi phí hoạt động bao gồm chi phí cho nhân viên (185,53 tỷ đồng) và các chi phí khác (khấu hao, chi bưu phí và điện thoại, chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết, công tác, chi xuất bản tài liệu, quảng cáo, tuyên truyền, ...). Chi phí cao thứ hai và thứ ba của Công ty là Chi phí lãi và các chi phí tương tự và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, năm 2020 lần lượt đạt 236,6 tỷ đồng (tương đương 21,42% doanh thu thuần) và 373,8 tỷ đồng (tương đương 33,85% doanh thu thuần).

09 tháng đầu năm 2021, tổng chi phí toàn Công ty đạt 1.115,6 tỷ đồng, tăng 60,74% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí là chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, đạt 436,3 tỷ đồng, tương đương 36,32% doanh thu thuần của Công ty. Chi phí cao thứ hai và thứ ba trong 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty là Chi phí hoạt động và Chi phí lãi và các chi phí tương tự, lần lượt đạt 356,7 tỷ đồng (tương đương 29,69% doanh thu thuần) và 248,4 tỷ đồng (tương đương 20,67% doanh thu thuần).

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng nhanh trong năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021 (tăng lần

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

lượt 354% và 85,3% so với cùng kỳ) do ảnh hưởng của đại dịch Covid dẫn đến khách hàng của VietCredit bị giảm thu nhập, giảm khả năng thanh toán dẫn đến số dư nợ xấu tăng lên. Bên cạnh đó, với định hướng quản trị rủi ro thận trọng và bền vững, VietCredit chủ động phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn với các khách hàng được VietCredit đánh giá có mức độ rủi ro cao, theo đó làm tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong kỳ.

2.3. Cơ cấu lợi nhuận thuần

**Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận thuần giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021
(trước Chi phí hoạt động và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng)**

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	285.118	84,31%	696.110	88,89%	785.288	89,35%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	68.730	20,32%	96.244	12,29%	107.202	12,20%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.275	0,38%	1.090	0,14%	581	0,07%
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(7.528)	(2,23%)	-	-	-	-
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(590)	(0,17%)	(2.317)	(0,30%)	(8.515)	(0,97%)
Lỗ thuần hoạt động khác	(8.836)	(2,61%)	(7.970)	(1,02%)	(5.632)	(0,64%)
Tổng cộng	338.169	100%	783.157	100%	878.924	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Lợi nhuận thuần của Công ty (trước Chi phí hoạt động và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng) năm 2020 đạt 783,2 tỷ đồng, tăng 131,6% so với năm 2019. Trong đó, thu nhập lãi thuần có mức tăng trưởng lớn nhất, năm 2020 đạt 696,1 tỷ đồng, tăng 144% so với năm 2019. Đây cũng là nguồn đóng góp lợi nhuận thuần lớn nhất của Công ty, chiếm tỷ trọng 84% - 89% lợi nhuận thuần của Công ty trong năm 2019 - 2020. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 96,2 tỷ đồng năm 2020 (tăng 40% so với năm 2019) và chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu lợi nhuận thuần, dao động từ 12,3% - 20,3% giai đoạn 2019 – 2020. Các hoạt động kinh doanh còn lại hiện đang thua lỗ hoặc đóng góp không đáng kể vào cơ cấu lợi nhuận thuần của Công ty.

Lợi nhuận thuần của Công ty (trước Chi phí hoạt động và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng) 09 tháng đầu năm 2021 tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, đạt 878,9 tỷ đồng, tăng 72,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 785,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận thuần của Công ty (89,35%) và tăng 66,3% so với cùng kỳ năm 2020. Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai là lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, đạt 107,2 tỷ đồng, tương đương 12,2% lợi nhuận thuần trong 09 tháng đầu năm 2021 và tăng 140,3% so với cùng kỳ 2020.

3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

3.1 Định hướng quản lý rủi ro

Là tổ chức tín dụng phi ngân hàng với hoạt động kinh doanh chính liên quan đến quản lý và kinh doanh tiền tệ, quản trị rủi ro và bảo toàn vốn luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty xuyên suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Theo đó, hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đã từng bước được hoàn thiện và củng cố nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất có thể phát sinh. Các phòng tuyến rủi ro cũng được xây dựng hoàn chỉnh và phối hợp tương đối nhuần nhuyễn.

3.2 Nhận dạng các rủi ro chính

3.2.1 Rủi ro Giảm chất lượng khoản cho vay

Đặc thù kinh doanh tài chính tiêu dùng là cung cấp các khoản vay tín chấp đến một số lượng lớn khách hàng đơn lẻ, do đó quyết định cung cấp khoản vay cho mỗi khách hàng phụ thuộc vào thông tin khách hàng cung cấp và khả năng xác minh thông tin khách hàng của Công ty.

Hầu hết các khoản cho vay đều không có tài sản đảm bảo và có thời hạn trả nợ hơn một năm, do đó, Công ty chịu rủi ro khi có sự thay đổi về chất lượng khoản phải thu sau khi phê duyệt cấp tín dụng.

Rủi ro giảm chất lượng khoản cho vay phát sinh khi Công ty:

- Không có những biện pháp hiệu quả để cập nhật định kỳ và quản lý sự thay đổi thông tin khách hàng;
- Những mô hình chấm điểm tín dụng, đánh giá khách hàng hoạt động không chính xác, hoặc không hoạt động phù hợp với kỳ vọng, dự đoán.

3.2.2 Rủi ro thanh khoản

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty là cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng để khách hàng rút tiền, thực hiện giao dịch thanh toán trong hạn mức tín dụng được phê duyệt. Do đó, Công ty có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nếu khách hàng rút

một lượng tiền mặt đáng kể. Rủi ro thanh khoản trong dài hạn có thể phát sinh do thiếu nguồn để trả nợ các hợp đồng tiền gửi, mua lại trái phiếu khi đến hạn.

3.2.3 Rủi ro thay đổi chính sách Nhà nước

Các chính sách của Chính phủ và NHNN vẫn có sự thay đổi liên tục qua các năm. Mặc dù hầu hết các chính sách tác động lên hoạt động kinh doanh của Công ty đều có một lộ trình áp dụng nhất định nhưng vẫn tạo ra những thách thức trong việc tuân thủ. Do công ty tài chính là một thực thể kinh doanh đặc biệt, chịu sự điều chỉnh của nhiều chính sách quản lý của nhà nước, từ việc tác động vào hoạt động huy động vốn cho đến các công đoạn cho vay hay kể cả các chính sách về hệ thống công nghệ thông tin. Rủi ro này phát sinh khi Công ty phải gia tăng ngân sách hoạt động để đáp ứng những thay đổi trong chính sách, hoặc Công ty bắt buộc phải điều chỉnh, thay đổi Chiến lược phát triển.

3.2.4 Rủi ro nhân lực

Công ty mới triển khai hoạt động kinh doanh cho vay tiêu dùng từ năm 2018 với mục tiêu trở thành công ty tài chính hàng đầu. Trong giai đoạn khởi đầu này, để đạt được mục tiêu kép là tăng trưởng nhanh và bền vững, Công ty cần tuyển dụng số lượng lớn nhân sự đáp ứng yêu cầu trong hoạt động bán hàng và hoạt động vận hành, đồng thời cần tuyển dụng và giữ chân nhiều nhân sự quản lý các cấp có kinh nghiệm, chuyên môn cao trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng và tài chính - ngân hàng.

Rủi ro nhân sự phát sinh khi Công ty:

- Không tuyển đủ và kịp thời số lượng nhân sự mới theo kế hoạch hàng năm;
- Không tuyển đúng người (có các kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết) cho các vị trí đang trống;

Chính sách lương thưởng, phúc lợi thiếu cạnh tranh và thiếu hấp dẫn để thu hút nhân lực và giữ chân nhân lực.

3.2.5 Rủi ro danh tiếng

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra với những khiếu nại của khách hàng về hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc các bài báo, bình luận tiêu cực trên báo chí, phương tiện truyền thông, mạng xã hội... dẫn đến sự suy giảm về hình ảnh thương hiệu và uy tín của Công ty trên thị trường. Công ty cần thiết lập các cơ chế (bao gồm các quy định, quy trình, hệ thống và đơn vị dịch vụ khách hàng chuyên trách) để giải quyết hiệu quả các khiếu nại và đề xuất của khách hàng. Đồng thời, Công ty cần liên tục triển khai các hoạt động quan hệ công chúng thông qua các phương tiện khác nhau để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời giúp khách hàng, đối tác, cổ đông, báo chí, cơ quan nhà nước hiểu đúng về Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện định kỳ các hoạt động trách nhiệm xã hội

doanh nghiệp - CSR (Corporate Social Responsibility) để cải thiện và duy trì suy nghĩ tích cực của công chúng đối với hoạt động kinh doanh của công ty.

3.2.6 *Rủi ro Quản lý gian lận và cải thiện hiệu quả vận hành*

Đây là là rủi ro hoạt động trong việc quản lý gian lận và cải thiện hiệu quả vận hành tại các khâu nghiệp vụ của Công ty. Rủi ro này có thể phát sinh do:

- Gian lận nội bộ phát sinh từ các hành vi, hoạt động của nhân viên trong Công ty, những người có ý định phá vỡ các quy tắc và quy định, luật pháp và chính sách của Công ty;
- Thiết kế không hoàn hảo, không phù hợp của sản phẩm, dịch vụ, quy trình.
- Thực thi và quản lý quy trình yếu kém do không đủ hoặc thiếu quy trình kiểm soát nội bộ

Ba yếu tố chính này có thể gây ra tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Công ty như giảm chất lượng dịch vụ dẫn đến khách hàng phàn nàn, làm giảm uy tín của Công ty.

3.2.7 *Rủi ro công nghệ thông tin*

Hoạt động của Công ty chủ yếu dựa vào mạng máy tính và hệ thống công nghệ thông tin lưu trữ và xử lý thông tin khách hàng, thông tin giao dịch. Tấn công mạng có thể dẫn đến rò rỉ thông tin mật, ảnh hưởng xấu tới tính toàn vẹn và uy tín của Công ty. Sự gián đoạn lớn của hệ thống công nghệ thông tin có thể có tác động nghiêm trọng đến hoạt động liên tục của Công ty và sự hài lòng của khách hàng.

3.2.8 *Rủi ro kinh tế vĩ mô*

Tài chính tiêu dùng là một lĩnh vực cần thiết và có quan hệ thuận chiều với điều kiện kinh tế chung. Nếu tình trạng kinh tế quốc gia giảm tốc hoặc suy thoái, chi tiêu và nhu cầu của người tiêu dùng đối với khoản vay sẽ giảm, ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty.

Rủi ro kinh tế vĩ mô phát sinh khi nền kinh tế quốc gia tăng trưởng chậm, tăng trưởng âm dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, lãi suất, tỷ giá tiền tệ và giá cả hàng hóa biến động theo chiều hướng tiêu cực. Do đó, Công ty cần duy trì hoạt động phân tích và đánh giá định kỳ các thông tin kinh tế vĩ mô để có sự điều chỉnh kịp thời các chiến lược, kế hoạch kinh doanh quan trọng của Công ty.

3.2.9 *Rủi ro tuân thủ pháp luật*

Hoạt động kinh doanh của Công ty tuân theo các Luật và quy định được công bố bởi NHNN và các quy định pháp luật khác. Khi một văn bản pháp luật mới có hiệu lực, Công ty có thể phải điều chỉnh sản phẩm, mô hình hoạt động kinh doanh để đáp ứng quy định. Việc hiểu và/hoặc vận dụng sai hoặc không đầy đủ, không kịp thời các quy định pháp luật mới ban hành cùng các quy định pháp luật hiện hữu có thể tạo nên các rủi ro pháp lý.

3.2.10 Rủi ro biến động nhân sự điều hành, quản lý

Nhân lực quản lý cấp trung-cao giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng tại Việt Nam còn tương đối thiếu, đặc biệt là trong mảng thẻ tín dụng. Từ năm 2017, Công ty thực hiện thay đổi chiến lược kinh doanh sang lĩnh vực tài chính tiêu dùng với sản phẩm cốt lõi là thẻ tín dụng nội địa. Theo đó, Công ty đã từng bước tuyển dụng và xây dựng một bộ khung cán bộ điều hành, quản lý chủ chốt có năng lực và kinh nghiệm trong kinh doanh, quản lý rủi ro và vận hành sản phẩm cốt lõi.

Rủi ro phát sinh khi có sự kiện bất ngờ xảy ra, bao gồm cả tình huống đe dọa tính mạng nghiêm trọng, từ chức hoặc thay đổi lớn trong đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, có thể ảnh hưởng đến việc quản lý và điều hành Công ty.

3.2.11 Rủi ro phụ thuộc vào sản phẩm Thẻ tín dụng nội địa

Trong hoạt động cho vay tiêu dùng, Công ty có 2 sản phẩm là thẻ tín dụng nội địa và cho vay tiền mặt trả góp, trong đó, sản phẩm thẻ tín dụng nội địa là sản phẩm chủ lực mang lại 99% doanh thu cho Công ty. Như vậy, Công ty phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động phát hành thẻ tín dụng nội địa. Bất cứ thay đổi nào trong các yếu tố cạnh tranh, ví dụ sự lỗi thời của chất lượng dịch vụ hay xuất hiện sản phẩm dịch vụ thay thế có thể ảnh hưởng đến doanh thu và tăng trưởng của Công ty.

3.2.12 Rủi ro lãi suất và tỷ giá

Sự biến động của lãi suất và tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty do nguồn vốn của Công ty đến từ việc vay ngân hàng và thị trường tài chính. Nếu lãi suất cho vay tăng thì chi phí huy động của Công ty sẽ tăng lên, tỷ giá biến động thì các khoản vay bằng ngoại tệ sẽ bị ảnh hưởng.

4. Trình độ công nghệ

Đối với các công ty tài chính hướng đến phân khúc tài chính tiêu dùng, hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò xương sống, đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của Công ty được vận hành ổn định, an toàn và chính xác với tốc độ cao. Do đó, VietCredit luôn chú trọng việc đầu tư, phát triển và ứng dụng những công nghệ thông tin hiện đại, an toàn, bảo mật nhằm mục đích đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, bắt nhịp với những xu hướng công nghệ mới, đặc biệt là những công nghệ liên quan đến lĩnh vực tài chính tiêu dùng.

4.1 Trung tâm dữ liệu

Là đối tác của VietCredit, Công ty Hệ thống Thông tin FPT (FPT IS) cung cấp hạ tầng điện toán đám mây để lưu trữ trung tâm dữ liệu của Công ty theo công nghệ bảo mật cao nhất của Nhật Bản

- FPT Hi Gio Cloud. Theo đó, trung tâm dữ liệu của Công ty được thiết kế và vận hành đạt chuẩn Uptime Institute Tier III và được cấp chứng chỉ ISO 9001-50001-27001.

4.2 Các phần mềm nghiệp vụ

Sau nhiều năm nghiên cứu và phát triển, hệ thống các phần mềm nghiệp vụ của Công ty được thiết kế đồng bộ và hiện đại bởi các đối tác công nghệ thông tin hàng đầu hiện nay. Hệ thống cung cấp những tính năng vượt trội cho mọi hoạt động quản lý và tác nghiệp của Công ty, giúp cho hệ thống kinh doanh của Công ty luôn được vận hành thông suốt, đảm bảo tính an toàn và bảo mật. Các hệ thống phần mềm nghiệp vụ nổi bật của Công ty hiện nay như sau:

- **Hệ thống thu thập và khởi tạo khoản vay (Collection and Loan Origination System):** Công ty hiện đang sử dụng giải pháp phân tích cho vay FinnOne Neo được phát triển bởi Nucleus Software (Ấn Độ). Với khả năng phân tích số liệu và dữ liệu tiên tiến, FinnOne Neo là một giải pháp mạnh mẽ và thân thiện với người tiêu dùng, cho phép VietCredit đưa ra các quyết định cho vay thông qua việc trực quan hóa dữ liệu và đem lại sự hiểu biết sâu về kinh doanh.
- **Hệ thống Thẻ (Card management System):** Hướng đến sự phát triển bền vững cùng với chiến lược kinh doanh lâu dài, VietCredit đã hợp tác với BPC Banking Technologies để xây dựng và triển khai giải pháp hệ thống quản lý thẻ Smartvista cho VietCredit nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng. Ưu điểm của hệ thống SmartVista là quản lý được số lượng khách hàng lớn, giao dịch lớn và đặc biệt là khả năng tùy biến cho các loại sản phẩm thẻ, giúp Công ty nhanh chóng cho ra sản phẩm mới.
- **Hệ thống chấm điểm và quản lý rủi ro (Risk Management System):** VietCredit hiện sử dụng gói phần mềm của SAS, một trong những hệ thống hàng đầu thế giới hiện nay trong lĩnh vực phân tích cho quy trình quản lý rủi ro tín dụng khép kín.
- **Hệ thống phát hành Thẻ (Card Issuing System):** Entrust DataCard là tập đoàn hàng đầu thế giới về các giải pháp phát hành thẻ và nhận diện bảo mật. Với sản phẩm chiến lược là Thẻ Vay, VietCredit đã hợp tác với Entrust Datacard trong việc cung cấp và triển khai hệ thống phát hành thẻ Card Wizard.
- **Hệ thống kế toán tài chính SUN (CoA system):** TRG là công ty cung cấp dịch vụ hàng đầu thị trường, chuyên cung cấp các giải pháp công nghệ về tài chính quản trị và hệ thống kế toán. Hiện nay, TRG là đối tác cung cấp và triển khai hệ thống kế toán (CoA) cho VietCredit.

- **Kết nối hệ thống chuyển mạch trong nước NAPAS (VietNam domestic switching):** VietCredit là Công ty Tài chính đầu tiên tại Việt Nam trở thành thành viên chính thức của CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS). Với dịch vụ chuyển mạch thẻ nội địa được cung cấp từ NAPAS, sản phẩm chiến lược của VietCredit – Thẻ tín dụng nội địa – đã chính thức thực hiện thành công giao dịch đầu tiên qua hệ thống NAPAS vào ngày 04/04/2018.
- **Chuyển đổi thẻ từ sang thẻ chip theo đúng quy định tại Thông tư 22/2020/TT-NHNN của NHNN về hoạt động thẻ đối với các tổ chức tín dụng:** Vào tháng 01/2021, VietCredit và NAPAS đã ký kết thỏa thuận hợp tác phát hành thẻ tín dụng nội địa chuẩn VCCS trước sự chứng kiến của NHNN. VietCredit đã theo đúng lộ trình, hiện thực hóa các cam kết bằng buổi lễ ra mắt thẻ ngày 15/04/2021, ghi dấu là Công ty tài chính đầu tiên phát hành thẻ chip tín dụng nội địa đạt chuẩn VCCS.

5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam phát triển với tốc độ rất nhanh trong những năm gần đây và ngày càng được hoàn thiện, Công ty luôn nhận thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của mọi tầng lớp. Hiện tại, Công ty có các đơn vị như Phòng Phát triển sản phẩm, Khối Công nghệ thông tin, Khối Quản lý rủi ro, Ban Giải pháp ứng dụng công nghệ là các phòng ban đóng góp vai trò quan trọng và chịu trách nhiệm trong việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ra thị trường. Hàng năm, Công ty luôn phân bổ ngân sách cho hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

Đặc biệt, ngày 27/08/2021, VietCredit đã chính thức hợp tác cùng Kredivo - công ty Fintech hàng đầu Indonesia để tiên phong triển khai sản phẩm "Mua trước Trả sau" (gọi tắt là "BNPL") – sản phẩm chủ lực tiếp theo của Công ty trên nền tảng công nghệ trực tuyến. BNPL là sản phẩm tín dụng ngắn hạn cho phép khách hàng mua sắm hàng hoá ngay lập tức mà không phải trả toàn bộ chi phí một lần. Theo đó, khách hàng chỉ cần chia nhỏ số tiền phải trả thành nhiều lần và thanh toán dần theo từng chu kỳ, thường kéo dài trong vòng một cho đến vài tháng mà không bị phát sinh thêm bất cứ chi phí nào nếu trả đúng hạn.

Đây là sản phẩm mang lại rất nhiều sự tiện lợi cho người tiêu dùng khi khách hàng có thể mua sắm trên các nền tảng trực tuyến thông qua mô hình BNPL với các thủ tục đăng ký đơn giản, dễ thao tác và thuận tiện ngay trên thiết bị di động với danh mục sản phẩm đa dạng, đáp ứng thiết thực nhu cầu sử dụng của khách hàng mà không cần phải thực hiện các thủ tục mở thẻ tín dụng (thông

thường sẽ mất thời gian để xử lý hồ sơ, ngoài ra còn phải đáp ứng một số yêu cầu nhất định của các tổ chức tín dụng). Người tiêu dùng có thể mua một đôi giày, một bộ quần áo hay các sản phẩm tiêu dùng hàng ngày với mức giá không quá cao thông qua hình thức BNPL. Ngoài ra, khách hàng cũng có thể sử dụng khoản vay BNPL để trả các hóa đơn hàng tháng như điện, nước, internet... Sản phẩm này cũng giúp Công ty tiếp cận và mở rộng cơ sở khách hàng tiềm năng là những người tiêu dùng chưa có hoặc không đủ điều kiện mở thẻ tín dụng.

Với quy trình chuyển đổi số, BNPL được đánh giá sẽ góp phần phổ biến, mở rộng các phương thức thanh toán điện tử hiện đại, bảo mật và tiện lợi tới nhiều nhóm khách hàng, từ đó đẩy mạnh các giao dịch không tiếp xúc, thanh toán không tiền mặt mà Chính phủ và NHNN đang quan tâm thúc đẩy. Theo kế hoạch, sản phẩm dự kiến sẽ được triển khai theo từng giai đoạn, đầu tiên là cung cấp giải pháp thanh toán hóa đơn để đáp ứng nhu cầu hàng ngày và cho vay cá nhân. Vào Quý IV/2021, ứng dụng thương mại điện tử BNPL sẽ được Vietcredit chính thức đưa vào hoạt động. Bên cạnh sản phẩm BNPL chủ lực nêu trên, Công ty cũng đang nghiên cứu các sản phẩm tài chính, cho vay phù hợp với hoạt động của nhà phân phối và nhà cung cấp (Tài trợ chuỗi cung ứng) cho các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME).

6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Năm 2017, Công ty đã sớm áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2015 vào việc xây dựng hệ thống làm việc nội bộ tại Công ty, với tham vọng xây dựng nền tảng chất lượng vững chắc từ những năm đầu bước chân vào thị trường tài chính tiêu dùng. Tháng 03/2018, VietCredit đã được Tổ chức chứng nhận BVC cấp Chứng chỉ chứng nhận là Công ty có hệ thống làm việc nội bộ đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Với lợi thế từ nền tảng chất lượng đầu tiên này, Công ty từng bước cải tiến liên tục về chất lượng sản phẩm, dịch vụ để có thể sánh ngang các đối thủ cạnh tranh lớn đã có tên tuổi lâu năm trên thị trường tài chính tiêu dùng. Các quy trình quản lý chất lượng đã được thiết lập nhằm kiểm soát chặt chẽ và có hệ thống mọi hoạt động của các trung tâm, bộ phận trực tiếp mang lại giá trị chất lượng sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng. Toàn bộ CBCNV của Công ty được đào tạo bài bản tất cả các khâu trong chuỗi quy trình cấp tín dụng tiêu dùng đến khách hàng. Mọi hoạt động trong chuỗi giá trị này đều được lấy mẫu kiểm tra tính tuân thủ các tiêu chuẩn, chuẩn mực chất lượng dịch vụ được thiết lập sẵn tại Công ty. Đội ngũ Cán bộ kiểm tra chất lượng cũng ngày càng hoàn thiện, nâng cao năng lực và kỹ năng trong kiểm soát chất lượng, góp phần làm giảm tỷ lệ lỗi trong quá trình cung cấp dịch vụ, giảm tỷ lệ khiếu nại khách hàng, từ đó khách hàng hài lòng hơn và trung thành hơn trong việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

7. Hoạt động marketing

Hoạt động Marketing luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng nhằm đẩy mạnh quảng bá thương hiệu, sản phẩm dịch vụ của Công ty đến các khách hàng tiềm năng. Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động sau:

- Đẩy mạnh sự thuận tiện và thúc đẩy khách hàng đăng ký mở & dùng thẻ qua các chương trình khuyến mại thường xuyên trên toàn quốc;
- Tăng cường hình ảnh nhận diện thương hiệu phủ rộng khắp các tỉnh thành bằng việc triển khai hình ảnh thương hiệu tại các điểm giới thiệu dịch vụ của VietCredit (POS) và các địa điểm lân cận, đồng thời kết hợp với việc đẩy mạnh quảng bá truyền thông ngoài trời;
- Đẩy mạnh triển khai quảng cáo thông qua các kênh trực tuyến và nâng cao trải nghiệm ứng dụng di động để tiếp cận các khách hàng tiềm năng một cách nhanh chóng với chi phí phù hợp;
- Củng cố mối quan hệ hiệu quả với báo chí, gia tăng kiểm soát rủi ro danh tiếng & triển khai hoạt động xã hội (CSR) nhằm nâng cao sự tin tưởng của khách hàng.

VII. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM GẦN NHẤT VÀ TRONG KỲ GẦN NHẤT

1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 17: Một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm so với năm 2019	9 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	3.245.385	5.135.740	58,25%	5.322.343
Vốn chủ sở hữu	725.424	754.537	4,01%	816.659
Tổng doanh thu	510.099	1.104.391	116,51%	1.201.486
Tổng chi phí (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng)	413.344	697.975	68,86%	679.281
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	96.755	406.416	320,05%	522.205
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	82.328	373.803	354,04%	436.320

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm so với năm 2019	9 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận trước thuế	14.427	32.613	126,05%	85.885
Lợi nhuận sau thuế (*)	14.427	32.613	126,05%	69.122
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) (EPS)	161	401	149,07%	903

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

(*) Lưu ý: Theo Thuyết minh số 29 “Thuế thu nhập doanh nghiệp” tại BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong năm 2019, 2020 là 0 đồng, cụ thể như sau:

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2019	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.427.284.207	32.612.782.422
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.885.456.841	6.522.556.484
Chi phí không được khấu trừ thuế	524.276.759	(192.149.589)
	3.409.733.600	6.330.406.895
Sử dụng lỗ lũy kế/tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(3.409.733.600)	(6.330.406.895)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2020 đạt 5.135,7 tỷ đồng, tăng 58,25% so với cuối năm 2019. Sự tăng trưởng tổng tài sản của Công ty chủ yếu đến từ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng (đạt 2.920,8 tỷ đồng, tăng 61,2%) và chứng khoán đầu tư (đạt 1.177,1 tỷ đồng, tăng 65,6%). Vốn chủ sở hữu Công ty năm 2020 tăng nhẹ so với năm 2019 (tăng 4%), đạt 754,5 tỷ đồng, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng nhẹ. Tính đến 30/09/2021, tổng tài sản đạt 5.322,3 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,6% so với cuối năm 2020, trong khi đó vốn chủ sở hữu đạt 816,7 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cuối năm 2020.

Về hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2020 đạt 406,4 tỷ đồng, tăng 320,05% so với năm 2019. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 chỉ tăng 126,05% so với năm 2019 (đạt 32,6 tỷ đồng) do Công ty tăng mạnh chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2020 (373,8 tỷ đồng, tăng 354,04% so với năm

2019). 09 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 522,2 tỷ đồng và 69,1 tỷ đồng, tăng 93,5% và 100,3% so với cùng kỳ 2020.

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021

2.1. Khó khăn

Năm 2020, kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đối mặt với thách thức chưa từng có do dịch bệnh Covid-19 bùng phát với những diễn biến phức tạp. Là một trong những ngành kinh tế trọng điểm, là kênh cung ứng vốn chủ đạo cho nền kinh tế, ngành tài chính - ngân hàng Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ dịch bệnh, cụ thể:

- Tăng trưởng tín dụng toàn ngành giảm so với các năm trước do đa số ngành nghề sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu, ... bị tác động tiêu cực bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, nhu cầu vay vốn theo đó sụt giảm. Mặt khác, nguồn thu nhập của nhiều khách hàng vay vốn không còn ổn định hoặc giảm sút, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay cho Công ty, qua đó gây nguy cơ gia tăng nợ xấu, nợ quá hạn, làm suy giảm chất lượng tài sản của toàn hệ thống tài chính - ngân hàng trong thời gian tới.
- Bên cạnh đó, việc đảm bảo phòng chống dịch bệnh an toàn theo quy định của Chính phủ khiến cho tình hình hoạt động bán hàng chậm lại, việc tiếp cận khách hàng của Công ty bị hạn chế. Thêm vào đó, Công ty cũng chịu ảnh hưởng nặng nề do việc giãn cách xã hội trong tháng đầu của Quý II/2020, theo đó Công ty phải điều chỉnh kế hoạch bán hàng nhằm ứng phó kịp thời theo tình hình thực tế.

Bước sang năm 2021, đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam từ cuối tháng 04 và tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo dài, chưa có dấu hiệu được kiểm soát triệt để đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động triển khai cung cấp dịch vụ của Công ty tại các thị trường trọng điểm như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Những nhân tố thuận lợi

Bên cạnh những khó khăn đề cập ở trên, tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021 vẫn có nhiều điểm sáng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam nói chung và VietCredit nói riêng, cụ thể:

- Năm 2020, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 2,91%, mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây (2011-2020). Tuy vậy, đây vẫn là một thành tích đáng tự hào khi Việt

Nam vẫn là một trong số ít các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương có mức tăng trưởng dương sau khi kiểm soát thành công sự lây lan của dịch bệnh. Bước sang năm 2021, GDP 09 tháng đầu năm 2021 vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng dương so với cùng kỳ, đạt 1,42% bất chấp sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-10 từ cuối tháng 04. Tuy nhiên, trước bối cảnh tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp kéo dài, các tổ chức quốc tế đã lần lượt điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2021. Cụ thể, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 3,8% trong năm 2021, Ngân hàng Thế giới (World Bank) hạ dự báo tăng trưởng GDP xuống còn 4,8%. Tuy chưa thể hồi phục lại mức 6% - 7% của giai đoạn trước, tốc độ tăng trưởng GDP như các dự báo trên vẫn có thể được xem là thành công của Việt Nam trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, đặc biệt là trong Quý III/2021 và mức nền tảng tăng trưởng dương của năm 2020;

- Xu hướng dịch chuyển nhà máy sản xuất từ Trung Quốc sang các quốc gia lân cận tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Việt Nam, với vị trí nằm trong khu vực Đông Nam Á, sát Trung Quốc, có lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân công dồi dào, chính trị - xã hội ổn định và là một trong các quốc gia kiểm soát dịch bệnh tốt nhất thế giới, được dự báo sẽ là điểm đến tiềm năng của nhiều doanh nghiệp sản xuất có ý định dịch chuyển nhà máy, đồng thời thu hút các nguồn vốn ngoại đầu tư vào Việt Nam cũng như tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động bản địa tại các khu công nghiệp. Sự dịch chuyển sản xuất này sẽ tạo ra tầng lớp trung lưu mới, là mảnh đất tiềm năng cho các sản phẩm tài chính tiêu dùng của Công ty.

Bên cạnh đó, bản thân Công ty cũng đã xây dựng các nền tảng hoạt động vững chắc, giúp Công ty có thể thích ứng với môi trường kinh doanh nhiều biến động, cụ thể:

- Ban lãnh đạo Công ty đều là những cá nhân gắn bó tâm huyết với sự phát triển của Công ty, dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, đồng thời luôn đạt được sự nhất trí cao trong các kế hoạch, hành động;
- Hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, chất lượng nhân sự, con người đóng vai trò quyết định đến khả năng tăng trưởng và hiệu quả hoạt động của mọi công ty trong ngành. Tại VietCredit, công tác quản trị nhân sự thời gian qua luôn chú trọng vào công tác tuyển dụng, đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ bán hàng trực tiếp tại tất cả các khâu cung cấp dịch vụ. Đến nay, chất lượng nhân sự và năng suất lao động của Công ty đã có những cải thiện rõ nét, toàn bộ nhân sự bán hàng đều có năng lực triển khai bán hàng hiệu quả ở các sản phẩm, dịch vụ, qua đó giúp Công ty tăng trưởng an toàn, mạnh mẽ trong

thời gian tới;

- VietCredit luôn chú trọng, ưu tiên đầu tư và ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến nhất trong ngành tài chính - ngân hàng, điển hình là việc vận hành và ứng dụng thành công các hệ thống phần mềm, giải pháp công nghệ tích hợp, khép kín toàn bộ quy trình cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng nội địa của Công ty (đã nêu chi tiết tại Mục trình độ công nghệ ở trên). Việc từng bước số hóa các quy trình nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ giúp Công ty nâng cao hiệu quả các mảng hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh theo các chuẩn mực quốc tế, sẵn sàng hướng tới thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 dự kiến sẽ là xu hướng chủ đạo trong thời gian tới.

VIII. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH

1. Triển vọng phát triển ngành tài chính tiêu dùng

Tài chính tiêu dùng là một ngành non trẻ ở Việt Nam với tiềm năng phát triển rất lớn trong tương lai gần nhờ lợi thế dân số trẻ với quy mô gần 100 triệu người, tầng lớp thu nhập trung bình ngày càng gia tăng có nhu cầu vay tiêu dùng lớn và tỷ lệ đô thị hóa cao. Theo UNFPA, Việt Nam đang tận hưởng thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” và sẽ kết thúc vào năm 2040, theo đó nhóm dân số trong độ tuổi từ 25 – 49 chiếm đa số tới 61,5% tổng dân số Việt Nam – nhóm khách hàng chủ chốt mà các công ty tài chính tiêu dùng hướng tới. Đây cũng là phân khúc khách hàng có nhu cầu rất lớn với các khoản vay tiêu dùng cá nhân, mua hàng hóa gia dụng và phương tiện vận chuyển cá nhân. Cùng với cơ cấu dân số trẻ, dữ liệu phân tích từ các công ty nghiên cứu thị trường như Bain, Google & Temasek, Statista, Euromonitor cho thấy mức thu nhập khả dụng trên đầu người cũng được dự báo đạt mức tăng trưởng 2 chữ số giai đoạn 2020 – 2025, đạt 4.688 USD/năm (xấp xỉ 9,7%/năm), kéo theo đó là chi tiêu tiêu dùng toàn dân cũng tăng mạnh trong giai đoạn này, đạt 284 tỷ USD năm 2025 (tương đương với mức tăng trưởng 9,5%). Đây là nguồn động lực tăng trưởng rất lớn cho thị trường tài chính tiêu dùng Việt Nam. Cũng theo số liệu từ Google & Temasek, Statista, Euromonitor, tổng dung lượng thị trường cho vay tiêu dùng Việt Nam năm 2023 dự kiến đạt 49 tỷ USD, gấp gần 2,6 lần so với năm 2014 (19 tỷ USD), tương đương mức tăng trưởng kép bình quân 11,1%/năm. Bên cạnh đó, các yếu tố có ý nghĩa tác động quyết định là những thay đổi lớn trong thói quen của người tiêu dùng (thói quen vay mượn từ người thân, bạn bè hoặc thị trường tài chính không chính thống dần chuyển sang vay mượn từ các công ty tài chính) và xu hướng chi tiêu mạnh hơn cho các sản phẩm có giá trị và có khả năng chấp nhận mức lãi suất cao hơn lãi suất Ngân hàng, cho những khoản vay tín chấp với quy mô không quá lớn, đặc biệt tại các khu vực

thành thị.

Tất cả các yếu tố trên đã giúp thị trường tài chính tiêu dùng Việt Nam phát triển mạnh và trở thành một trong những lĩnh vực thu hút nguồn vốn đầu tư lớn từ các đối tác nước ngoài, trong đó, có thể kể đến các tập đoàn tài chính lớn đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc (Lotte Finance, Shinhan Finance, Shinsei Bank, Credit Saison, Hyundai Card).

2. Vị thế của Công ty trong ngành

Bên cạnh những công ty lớn đã xuất hiện trên thị trường từ những năm 2015 (FE Credit, Home Credit, HD Saison, Prudential Finance, Toyota Finance, Mirae Assets, JACCs), giai đoạn 2017 – 2019 đã chứng kiến thêm những công ty tài chính mới tham gia vào thị trường tài chính tiêu dùng như MCredit, Shinhan Finance, SHB Finance, VietCredit, Lotte Finance, Easy Credit. Các công ty mới tham gia vào thị trường với lợi thế từ kinh nghiệm, bài học từ các công ty đi trước đã tiết giảm đáng kể chi phí về mô hình kinh doanh, vận hành, quản lý rủi ro.

Có thể thấy, thương hiệu VietCredit, mới được ra mắt thị trường tài chính tiêu dùng từ cuối 2018 với tiền thân là Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng đã có những bước khởi đầu khó khăn hơn rất nhiều so với các Công ty tài chính tiêu dùng tương đồng khác cùng thời điểm. Tuy nhiên với lợi thế sản phẩm đặc thù và duy nhất trên thị trường, cùng những tính năng độc đáo, mang lại sự tiện ích linh hoạt, đơn giản cao cho khách hàng trong giải ngân, thanh toán... đã giúp thị phần của Công ty dần được mở rộng và phát triển từng ngày, khẳng định vị thế nhất định của VietCredit trong ngành tài chính tiêu dùng. Cụ thể, theo số liệu tổng hợp của Fiin Research, năm 2019, dư nợ cho vay khách hàng của Công ty đạt 1.860 tỷ đồng, chiếm 1,4% thị phần cho vay tiêu dùng, tăng rất mạnh so với năm 2018 khi chỉ chiếm 0,1% thị phần. Bên cạnh sự tăng trưởng ấn tượng về thị phần, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có sự cải thiện tích cực, theo đó lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 đạt 32,6 tỷ đồng, tăng 126% so với cùng kỳ 2019, quy mô tổng tài sản năm 2020 đạt 5.135,7 tỷ đồng, tăng gần 60% so với năm 2019. Ngày 19/05/2021, FiinRatings – bộ phận xếp hạng tín nhiệm của FiinGroup đã công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn nhà phát hành đối với VietCredit ở mức '**BBB-**' với **triển vọng ổn định**, phản ánh vị thế đang tăng trưởng nhanh trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng của VietCredit.

IX. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động

Tính đến ngày 30/09/2021, tổng số cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty là 2.042 người. Cơ cấu lao động của Công ty được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

Bảng 18: Cơ cấu lao động

Đơn vị tính: người

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo phòng ban	2.042	100%
1	Ban lãnh đạo	6	0,3%
2	Đơn vị mạng lưới	1.228	60,1%
3	Nhóm chức năng Công nghệ thông tin	59	2,9%
4	Nhóm chức năng Hỗ trợ, Dịch vụ khách hàng, Vận hành thẻ	149	7,3%
5	Nhóm chức năng Quản lý rủi ro, Thẩm định	113	5,5%
6	Nhóm chức năng Tài chính	35	1,7%
7	Trung tâm Thu hồi nợ	355	17,4%
8	Khác	97	4,8%
II	Phân theo trình độ	2.042	100%
1	Trình độ trên Đại học	30	1,5%
2	Trình độ Đại học	848	41,5%
3	Trình độ Cao đẳng	459	22,5%
4	Trung cấp	214	10,5%
5	Lao động phổ thông	491	24,0%
III	Phân theo hợp đồng lao động	2.042	100%
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	228	11,2%
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	1.388	68,0%
3	Hợp đồng thử việc	34	1,7%
4	Hợp đồng đào tạo	392	19,2%
IV	Phân theo độ tuổi	2.042	100%
1	Dưới 25 tuổi	540	26,4%
2	Từ 25 – dưới 31 tuổi	992	48,6%
3	Từ 31 – dưới 36 tuổi	344	16,8%
4	Từ 36 – dưới 41 tuổi	125	6,1%
5	Từ 41 – dưới 46 tuổi	29	1,4%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số	Tỷ lệ (%)
6	Từ 46 – dưới 60 tuổi	12	0,6%
	Tổng cộng	2.042	100.0%

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

2. Chính sách đối với người lao động (đào tạo, lương thưởng, trợ cấp)

Ngay từ những ngày đầu thành lập cho đến nay, Công ty luôn lấy việc phát triển con người là một trong các chiến lược kinh doanh chủ chốt để tạo ra lợi thế cạnh tranh của Công ty. Việc phát triển nguồn nhân lực được chú trọng ngay từ công tác tuyển dụng đúng người - đúng vị trí; duy trì thường xuyên hoạt động đào tạo cho mục tiêu phát triển kinh doanh, quản trị hàng năm; thường xuyên tổ chức công tác quy hoạch/bổ nhiệm đội ngũ cán bộ kế thừa; thực hiện các công cụ đánh giá thực hiện công việc, gắn trả lương, thưởng với thành tích công việc. Các chính sách nhân sự của Công ty luôn đề cao tính linh hoạt, cập nhật liên tục tình hình thị trường lao động từ đó xây dựng các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, hướng tới thu hút và giữ chân nhân tài. Với các hoạt động nhân sự đồng bộ, năng lực của cán bộ nhân viên Công ty được coi trọng phát triển cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc, kỹ năng quản lý cũng như phát triển thái độ, hành vi theo định hướng như sẵn sàng với sự thay đổi, cải tiến, đổi mới trong công việc. Công ty luôn ghi nhận và khen thưởng kịp thời cho những nỗ lực và cống hiến của cán bộ công nhân viên cần mẫn, hiệu quả và sáng tạo. Với hệ thống chính sách đào tạo bài bản và khen thưởng đồng bộ, Công ty luôn tự hào khi văn hóa khích lệ đã được tạo dựng và trở thành một nét bản sắc riêng, vững vàng qua nhiều thế hệ nhân viên Công ty.

Chế độ làm việc ở Công ty luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành như được đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tham gia các hoạt động Công đoàn, nghỉ lễ và nghỉ phép. Cán bộ nhân viên được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ, môi trường làm việc an toàn, hiện đại và đảm bảo vệ sinh an toàn. Ngoài ra, cán bộ nhân viên còn được hỗ trợ các khoản phụ cấp nhằm đảm bảo hoàn thành công việc và các chế độ lương thưởng, phúc lợi tương ứng với đóng góp của mình.

Mức thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2020 đạt khoảng 8.300.000 đồng/người/tháng và trong 09 tháng đầu năm 2021 là 10.932.000 đồng/người/tháng, ở mức tương đương với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

X. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Công ty sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến một cổ phiếu.

Trong 02 năm gần đây, với chiến lược tích lũy nguồn lực để tạo nền tảng phát triển ổn định và thực hiện quy định của NHNN khi có trái phiếu đặc biệt VAMC được gia hạn, Công ty chưa thực hiện chia cổ tức.

XI. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, NHNN hiện hành.

1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

1.1.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 19: Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty

1.1.2 Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 – 07 năm.
- Các tài sản cố định vô hình khác (bao gồm bản quyền, website ...) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 07 năm.

1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đầy đủ và nghiêm túc các khoản thuế theo quy định của Nhà nước.

Bảng 20: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Thuế giá trị gia tăng	414	(1.281)	(661)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.550)	(1.550)	13.765
Các loại thuế khác	1.007	1.748	1.194
Tổng cộng	(129)	(1.083)	14.298

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Lưu ý:

- Số dư thuế giá trị gia tăng phải nộp tại các thời điểm 31/12/2020 và 30/09/2021 là số âm do chênh lệch giữa tài khoản thuế đầu ra và thuế đầu vào;
- Số dư Thuế TNDN phải nộp tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020 là số âm do Công ty nộp thừa tiền thuế TNDN năm 2018, tuy nhiên năm 2019, 2020 Công ty không phải nộp thuế do bù lỗ lũy kế của năm trước. Sang năm 2021, Công ty đã được cân trừ số tiền nộp thừa này vào số thuế phải nộp.

1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và theo Điều lệ Công ty. Theo đó, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và các quỹ của Công ty để trình ĐHCĐ quyết định.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT**Bảng 21: Số dư các quỹ giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển khoa học và công nghệ	2.075	3.267	6.718
Quỹ đầu tư phát triển	25	1.681	1.681
Quỹ dự phòng tài chính	30.432	31.095	34.356
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	471	802	2.432
Tổng cộng	33.003	36.845	45.187

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty***1.5. Tổng nợ phải trả****Bảng 22: Nợ phải trả giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Tiền gửi và vay các TCTD khác	812.406	1.367.937	880.000
Tiền gửi của khách hàng	4.116	30.900	36.078
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	134.763	108.265	95.428
Phát hành giấy tờ có giá	1.422.100	2.636.000	3.271.000
Các khoản nợ khác	146.576	238.101	223.179
Tổng cộng	2.519.961	4.381.203	4.505.685

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty***2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng đầu năm 2021
I	Quy mô vốn				

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng đầu năm 2021
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	687.872	687.872	687.872
2	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.245.385	5.135.740	5.322.343
3	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	25,73	15,78	16,19
II	Chất lượng tài sản				
1	Tỷ lệ nợ xấu	%	4,98	6,31	8,80
2	(Số dư các khoản cho vay khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác)/Tổng tài sản	%	55,83	56,87	61,18
3	Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	83,89	86,49	85,97
III	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,04	4,41	n/a
2	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	0,54	0,78	n/a
IV	Khả năng thanh khoản				
1	Khả năng thanh toán ngay	%	2,22	2,09	5,29
2	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn	%	73,31	82,76	45,56

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

XII. TÀI SẢN**1. Tài sản cố định**

Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2021 của Công ty như sau:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Bảng 24: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	32.457	16.043	49,43%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.318	-	-
2	Phương tiện vận tải	12.291	7.401	60,21%
3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	18.847	8.642	45,85%
II	Tài sản cố định vô hình	60.273	33.099	54,92%
1	Phần mềm máy vi tính	55.418	30.183	54,46%
2	Tài sản cố định vô hình khác	4.855	2.916	60,07%
	Tổng cộng	92.729	49.142	53,00%

Nguồn: BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

2. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Góp vốn, đầu tư dài hạn giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty như sau:

Bảng 25: Góp vốn, đầu tư dài hạn giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Med-Aid Công Minh	2.150	(2.150)	2.150	(2.150)	2.150	(2.150)
Công ty cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	12.359	(8.159)	12.359	(9.599)	12.359	(1.440)
Tổng	14.509	(10.309)	14.509	(11.749)	14.509	(3.590)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

3. Tài sản có khác

Các Tài sản có khác giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty như sau:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Bảng 26: Các Tài sản có khác giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Tài sản có khác	477.715	648.596	697.419
Các khoản phải thu	42.875	49.253	48.589
Các khoản lãi, phí phải thu	94.051	157.414	184.674
Tài sản Có khác (*)	343.580	459.239	481.032
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(2.791)	(17.310)	(16.876)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến Tài sản Có khác của Công ty như sau:

Bảng 27: Chi tiết Tài sản có khác giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Tài sản gán nợ chuyển giao quyền sở hữu cho TCTD, chờ xử lý (i)	156.151	145.808	138.308
Trong đó:			
<i>Giá trị gán nợ</i>	<i>209.878</i>	<i>209.878</i>	<i>209.086</i>
<i>Chi phí hoàn thiện</i>	<i>5.233</i>	<i>4.846</i>	<i>5.695</i>
<i>Khấu hao đã trích</i>	<i>(58.960)</i>	<i>(68.916)</i>	<i>(76.473)</i>
Chi phí chờ phân bổ	187.429	313.431	342.724
Trong đó:			
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	<i>11.716</i>	<i>11.234</i>	<i>8.969</i>
<i>Sửa chữa văn phòng</i>	<i>7.112</i>	<i>8.979</i>	<i>5.974</i>
<i>Hoạt động cho vay tiêu dùng</i>	<i>123.793</i>	<i>230.003</i>	<i>281.265</i>
<i>Chi phí chờ phân bổ - quản lý</i>	<i>43.289</i>	<i>59.693</i>	<i>44.267</i>
<i>Chi phí chờ phân bổ - khác</i>	<i>1.518</i>	<i>3.523</i>	<i>2.249</i>
Tổng cộng	343.580	459.239	481.032

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

- (i) Đây là các tài sản đảm bảo là tàu biển phát sinh từ việc thu hồi để xử lý nợ cho các khách hàng. Đối với các tàu biển đã hoàn thiện, trong thời gian chờ xử lý, Công ty đã vận hành

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

các tàu biển này thông qua các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Doanh thu và chi phí, bao gồm chi phí khấu hao tàu biển, từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh được chia theo tỷ lệ giữa Công ty và các đối tác vận hành tàu biển, được ghi nhận tương ứng vào thu nhập hoạt động kinh doanh khác và chi phí từ hoạt động kinh doanh khác. Chi tiết về các tài sản gán nợ như sau:

Bảng 28: Thông tin về các tài sản gán nợ giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên tài sản	Đơn vị gán nợ	Giá trị được xác định bởi các bên tại thời điểm gán nợ	Thuế GTGT	Giá trị gán nợ	Chi phí hoàn thiện	Khấu hao đã trích	Giá trị ghi sổ
Tại 31/12/2019							
Tàu CFC 01	CTCP Vận tải Thủy bộ Hương Thịnh	51.682	5.168	56.851	3.497	(21.436)	38.911
Tàu CFC 02	Công ty TNHH Vận tải biển Mạnh Hà	46.160	4.537	50.696	-	(21.959)	28.737
Tàu CFC 03	CTCP Hương Thủy	25.616	2.528	28.143	20	(15.564)	12.599
Tàu CFC 04	CTCP Hương Thủy	36.214	-	36.214	936	-	37.151
Tàu CFC 05	Công ty TNHH Tiến Thành	34.521	3.452	37.973	780	-	38.753
Tổng cộng		194.193	15.685	209.878	5.233	(58.960)	156.151
Tại 31/12/2020							
Tàu CFC 01	CTCP Vận tải Thủy bộ Hương Thịnh	51.682	5.168	56.851	3.497	(25.456)	34.892
Tàu CFC 02	Công ty TNHH Vận tải biển Mạnh Hà	46.160	4.537	50.696	-	(25.337)	25.359
Tàu CFC 03	CTCP Hương Thủy	25.616	2.528	28.143	20	(18.123)	10.041
Tàu CFC 04	CTCP Hương Thủy	36.214	-	36.214	936	-	37.151
Tàu CFC 05	Công ty TNHH Tiến Thành	34.521	3.452	37.973	393	-	38.366
Tổng cộng		194.193	15.685	209.878	4.846	(68.916)	145.808

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Tên tài sản	Đơn vị gán nợ	Giá trị được xác định bởi các bên tại thời điểm gán nợ	Thuế GTGT	Giá trị gán nợ	Chi phí hoàn thiện	Khấu hao đã trích	Giá trị ghi sổ
Tại 30/09/2021							
Tàu CFC 01	CTCP Vận tải Thủy bộ Hương Thịnh	51.682	5.168	56.851	3.424	(28.463)	31.812
Tàu CFC 02	Công ty TNHH Vận tải biển Mạnh Hà	45.368	4.537	49.905	922	(27.955)	22.872
Tàu CFC 03	CTCP Hương Thủy	25.616	2.528	28.143	20	(20.056)	8.108
Tàu CFC 04	CTCP Hương Thủy	36.214	-	36.214	936	-	37.151
Tàu CFC 05	Công ty TNHH Tiến Thành	34.521	3.452	37.973	393	-	38.366
Tổng cộng		193.401	15.685	209.086	5.695	(76.473)	138.308

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Trong các tài sản gán nợ trên, tính đến 30/09/2021, Tàu CFC 04 và CFC 05 vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đưa vào khai thác và sử dụng.

XIII. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 29: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2020	Năm 2021		Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2020	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2021
Doanh thu (*)	1.101.074	1.946.109	76,74%	2.367.593	21,66%
Vốn điều lệ	687.872	687.872	-	800.000	16,30%
Lợi nhuận sau thuế (**)	32.613	40.279	23,51%	40.000	(0,69%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	2,96%	2,06%	-	1,69%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	4,74%	5,85%	-	5,00%	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức trên mệnh giá (%)	-	-	-	Chưa có thông tin	-

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 178/2021/Vietcredit-NQ ngày 28/04/2021 và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 34/2021/Vietcredit-NQ ngày 29/01/2021 của Công ty

Lưu ý:

() Doanh thu của Công ty được xác định bằng tổng các nguồn thu nhập: Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự; Thu nhập từ hoạt động dịch vụ; Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối; Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh; Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư; Thu nhập hoạt động kinh doanh khác.*

*(**) Ước tính dựa trên kế hoạch lợi nhuận trước thuế đã được ĐHĐCĐ thông qua và tỷ suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.*

2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Nhằm đảm bảo triển khai thực hiện đồng bộ, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và tạo đà tăng trưởng cho Công ty trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty đã vạch ra những kế hoạch hành động trọng tâm cho từng hoạt động, cụ thể như sau:

2.1 Hoạt động bán hàng

- Tiếp tục tối ưu hiệu suất bán hàng, nâng cao hiệu suất bán hàng theo số lượng hồ sơ đầu vào trên từng nhân viên lên 150% so với năm 2020;
- Thực hiện việc mở rộng cơ sở khách hàng, tập trung đẩy mạnh hoạt động trên nền tảng trực tuyến (kênh bán hàng kỹ thuật số).

2.2 Hoạt động huy động vốn

- Tích cực đẩy mạnh hoạt động chào bán chứng chỉ tiền gửi cho các tổ chức, định chế tài chính, tạo nguồn vốn ổn định, lâu dài phục vụ cho các mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu triển khai hoạt động huy động vốn từ nước ngoài.

2.3 Hoạt động marketing

Năm 2021, các hoạt động Marketing sẽ được thực hiện đồng bộ để thích ứng với điều kiện “bình thường mới” như sau:

- Xây dựng và triển khai chương trình “Member gets member” theo định hướng khách hàng tốt giới thiệu khách hàng tốt;

- Trong tình hình dịch bệnh tăng nhanh và chuyển biến khó lường, tập trung quảng bá, truyền thông vào các cao ốc văn phòng và trên các kênh online để tiếp cận khách hàng phù hợp với tình hình thực tế;
- Liên tục củng cố và mở rộng mối quan hệ với phóng viên báo đài, cơ quan báo chí lớn uy tín, có lượng người theo dõi cao...đồng thời tăng cường công tác thu thập thông tin có nguy cơ ảnh hưởng thương hiệu & kiểm soát rủi ro danh tiếng.

2.4 Hoạt động nhân sự

- Đảm bảo mục tiêu tuyển dụng và tỷ lệ đáp ứng toàn hàng từ 95% trở lên. Bên cạnh đó, không ngừng xây dựng và củng cố thương hiệu Công ty đối với thị trường lao động bên ngoài, gia tăng tính gắn kết đối với đội ngũ CBCNV nội bộ;
- Công tác đào tạo và phát triển nhân sự được nâng cao và đẩy mạnh nhằm mục tiêu xây dựng và đảm bảo đội ngũ kế thừa (trọng điểm là chương trình Hạt Giống Đỏ sẽ được nhân rộng tại Trung tâm Thu hồi nợ). Xây dựng những chương trình nâng cao kỹ năng (bao gồm kỹ năng mềm, chuyên môn, lãnh đạo...) đảm bảo một lực lượng CBCNV nòng cốt hiện đại, linh hoạt, đa kỹ năng và có thể đáp ứng mọi nhu cầu công việc khi cần thiết;
- Cải tiến và đổi mới công tác chính sách nhân sự nhằm mục đích giữ chân và thu hút nhân tài.

2.5 Hoạt động thu hồi nợ

- Tiếp tục nâng cao kiểm soát chất lượng thu hồi nợ và thực hiện xây dựng đội ngũ nhân viên thu hồi nợ trong Công ty để đảm bảo quy trình thu hồi nợ đúng chuẩn quy định và quy trình NHNN ban hành;
- Cải thiện năng lực thu hồi nợ bằng việc triển khai “Giải pháp Phân loại tự động tài khoản phải thu”.

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2021:

09 tháng đầu năm 2021, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 1.192,8 tỷ đồng (tương đương thực hiện 61,3% kế hoạch kinh doanh 2021) và 69,1 tỷ đồng (tương đương thực hiện 171,6% kế hoạch kinh doanh 2021). Với kết quả đạt được trong 09 tháng đầu năm 2021, Công ty kỳ vọng sẽ đạt được kế hoạch doanh thu. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, lợi nhuận trong Quý IV/2021 có thể bị âm nhưng lũy kế lợi nhuận sau thuế cả năm 2021 Công ty vẫn kỳ vọng đạt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

XIV. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết bảo lãnh. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Công ty ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận nội bảng. Bảo lãnh khác là cam kết có điều kiện mà Công ty cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng của Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

Bảng 30: Các khoản nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Cam kết cho vay không hủy ngang	773.146	1.318.491	1.867.094
Bảo lãnh khác	3.419	53.419	43.419
Các cam kết khác	70.000	352.374	-
Tổng cộng	846.565	1.724.284	1.910.513

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC tự lập 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

XV. CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH

- Cải thiện chất lượng và cấu trúc tài sản, kiên quyết và mạnh dạn trong việc thực hiện trích lập dự phòng và xử lý nợ tồn đọng (trái phiếu VAMC) khi có đủ tiềm lực tài chính và đạt tới một quy mô dư nợ đủ để trang trải các khoản nợ tồn đọng, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu (bao gồm cả các trái phiếu VAMC sau khi mua lại) đáp ứng yêu cầu của NHNN;
- Tập trung cho vay tiêu dùng khách hàng cá nhân với sản phẩm chủ lực Thẻ tín dụng nội địa. Đồng thời, Công ty vẫn tiếp tục cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Bên cạnh đó, Công ty cũng nghiên cứu các sản phẩm tài chính phù hợp với hoạt động của nhà phân phối và nhà cung cấp (tài trợ chuỗi cung ứng) cấp tín dụng cho các khách hàng SME;
- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực vốn chủ sở hữu, đảm bảo nền tảng vốn ổn định phục vụ các hoạt động kinh doanh, thực hiện điều phối vốn một cách hiệu quả vào các lĩnh vực

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

kinh doanh chủ chốt, đảm bảo an toàn thanh khoản đồng thời phải đảm bảo xoay chuyển cấu trúc vốn, điều chỉnh theo xu hướng tăng dần nguồn vốn dài hạn và đa dạng hóa cấu trúc nguồn vốn từ nguồn doanh nghiệp và nguồn nước ngoài;

- Thực hiện đầu tư hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, có kiến trúc thiết kế tốt; kết hợp với đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng quản trị dựa trên nền tảng dữ liệu, nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả hoạt động, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác bán hàng;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số (Digital Transformations), hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành và cung ứng dịch vụ tài chính. Đồng thời tìm kiếm, sàng lọc các cơ hội hợp tác với các tổ chức trung gian thanh toán, công nghệ tài chính (Fintech) tiềm năng để phát triển các giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh mới để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thân thiện, an toàn, tiện lợi và dễ dàng tiếp cận hơn;
- Đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng ổn định hàng năm, tốc độ tăng trưởng tín dụng ổn định và bền vững theo đúng định hướng của NHNN, kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ nợ xấu và công tác thu hồi nợ, đảm bảo tính thanh khoản và hoạt động của Công ty.

XVI. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY

Không có.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

PHẦN II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. CƠ CẤU, THÀNH PHẦN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Danh sách thành viên HĐQT như sau:

Bảng 31: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Hồ Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Phạm Hải Âu	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Quang Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Nguyễn Đức Huỳnh	Thành viên HĐQT không điều hành

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT:

1. Ông Nguyễn Đức Phương – Chủ tịch HĐQT

Ông	:	Nguyễn Đức Phương
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	17/07/1979
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND/CCCD	:	011934262
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 83 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 03/2006 – 09/2006	:	Chuyên viên tài chính cao cấp Văn phòng đại diện Công ty PPF
- Từ tháng 10/2006 – 12/2007	:	Chuyên viên tài chính cao cấp Công ty Quản lý quỹ Bản Việt

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- Từ tháng 01/2008 – 05/2012	:	Giám đốc tư vấn doanh nghiệp CTCP Chứng khoán Bản Việt
- Từ tháng 05/2012 – 04/2017	:	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Từ tháng 04/2017 – nay	:	Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	2.969.215 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,32% vốn điều lệ
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	2.969.215 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,32% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	480.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,70% vốn điều lệ
Trong đó:		
Nguyễn Ái Linh (vợ) nắm giữ	:	480.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,70% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

2. Ông Hồ Minh Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông	:	Hồ Minh Tâm
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	04/08/1978
Nơi sinh	:	Thành phố Hồ Chí Minh
Số CMND/CCCD	:	022978156
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	27/3 Lê Trực, Phường 7, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 03/2007 - 02/2010	:	Chuyên viên Phòng Chiến lược đầu tư nước ngoài Công ty Tài chính tiêu dùng ACOM - Tập đoàn Tài chính Tokyo Mitsubishi UFJ
- Từ tháng 03/2010 – 08/2010	:	Phó phòng Khách hàng cá nhân kiêm Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
- Từ tháng 08/2010 – 03/2012	:	Giám đốc Trung tâm Thẻ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
- Từ tháng 04/2012 – 10/2014	:	Giám đốc Trung tâm Thẻ Ngân hàng TMCP Kỹ thương (Techcombank)
- Từ tháng 11/2014 – 02/2017	:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Từ tháng 03/2017 – nay	:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	1.718.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,50% vốn điều lệ
Trong đó:		
Nguyễn Thị Thanh Hoa (vợ) nắm giữ	:	1.718.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,50% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

3. Ông Nguyễn Chí Hiếu – Thành viên HĐQT không điều hành

Ông	:	Nguyễn Chí Hiếu
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	04/03/1985
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND/CCCD	:	001085020515
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 5, Cụm 1, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Tài chính quản trị
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 03/2009 – 06/2010	:	Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Từ tháng 07/2010 – 03/2016	:	Chuyên viên kinh doanh nguồn vốn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Từ tháng 01/2016 – 04/2016	:	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Pi Capital
- Từ tháng 03/2016 – 12/2018	:	Giám đốc vận hành Công ty Cổ phần Seven System Việt Nam
- Từ tháng 04/2016 – nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
- Từ tháng 9/2019 - nay	:	Giám đốc thương mại Công ty Cổ phần Timo Việt Nam
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Giám đốc thương mại Công ty Cổ phần Timo Việt Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	2.322.390 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,38% vốn điều lệ
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	2.322.390 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,38% vốn điều lệ

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

4. Ông Phạm Hải Âu – Thành viên HĐQT không điều hành

Ông	:	Phạm Hải Âu
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	01/06/1979
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND/CCCD	:	001079007425
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 97 ngõ 199 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản trị thông tin
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 09/2001 – 10/2007	:	Trưởng nhóm Tư vấn Nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam
- Từ tháng 10/2007 – 01/2011	:	Trưởng phòng Tư vấn Quản trị rủi ro Deutsche Bank Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
- Từ tháng 05/2011 – 03/2014	:	Trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Từ tháng 04/2014 – 07/2014	:	Thành viên Hội đồng thành viên Ngân hàng TNHH Indovina
- Từ tháng 07/2014 – 04/2017	:	Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý Rủi ro, Trưởng BKS Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- Từ tháng 04/2016 – 2019	:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Quý
- Từ tháng 04/2017 – 2019	:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kiểm định Vàng bạc đá quý Việt Nam
- Từ tháng 08/2017 – nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,15% vốn điều lệ
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,15% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

5. Ông Nguyễn Quang Tuân - Thành viên HĐQT không điều hành

Ông	:	Nguyễn Quang Tuân
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	15/11/1980
Nơi sinh	:	Thái Bình
Số CMND/CCCD	:	100722642
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 96, Nguyễn Văn Cừ, khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Quá trình công tác	:	
- Từ 08/2004 - 10/2011	:	Nhân viên kế toán Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch
- Từ tháng 11/2011 - 10/2019	:	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch
- Từ tháng 10/2019 - nay	:	Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Xi măng Việt Nam
- Từ tháng 01/2021 – nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Xi măng Việt Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	10.034.732 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,59% vốn điều lệ
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu (cho Tổng Công ty Xi măng Việt Nam)	:	10.034.732 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,59% vốn điều lệ
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	10.034.732 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,59% vốn điều lệ
Trong đó:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (Ông Nguyễn Quang Tuấn là người đại diện vốn của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam tại Công ty) nắm giữ	:	10.034.732 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,59% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

6. Ông Nguyễn Lâm Trung Anh – Thành viên HĐQT độc lập

Ông	:	Nguyễn Lâm Trung Anh
Giới tính	:	Nam

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Ngày tháng năm sinh	:	04/10/1988
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND/CCCD	:	012517076
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số 10 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
- Từ 2011 – 10/2015	:	Trưởng phòng Quản lý đầu tư tài chính Quỹ Đầu tư ID Ventures Việt Nam
- Từ tháng 10/2015 – nay	:	Tổng Giám đốc Công Ty TNHH Phoenix Holdings
- Từ tháng 02/2016 – nay	:	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương Mại MaxToTo
- Từ tháng 01/2018 – nay	:	Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ phần Phoenix Clean Power
- Từ tháng 11/2018 – nay	:	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Firebird Investment
- Từ tháng 06/2020 – nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
- Từ tháng 04/2018 – nay	:	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT độc lập
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	- Tổng Giám đốc Công Ty TNHH Phoenix Holdings; - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương Mại MaxToTo; - Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ phần Phoenix Clean Power;

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

		- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Firebird Investment; - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	66.354 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ
Trong đó:		
Phan Thị Tuyết Hằng (mẹ vợ) nắm giữ	:	66.354 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

7. Ông Nguyễn Đức Huỳnh – Thành viên HĐQT không điều hành

Ông	:	Nguyễn Đức Huỳnh
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	08/07/1977
Nơi sinh	:	Thái Bình
Số CMND/CCCD	:	025548479
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	A106 Cao ốc Botanic Towers, phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 07/1999 - 07/2001	:	Nhân viên Kinh doanh Khách sạn Saigon Prince Hotel

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- Từ tháng 07/2001 - 07/2003	:	Quản lý Kinh doanh Khách sạn Legend Hotel Saigon (cũ), bây giờ là Lotte Hotel
- Từ tháng 07/2003 - 07/2004	:	Trưởng phòng Kinh doanh Khách sạn Sheraton Saigon Hotel & Towers
- Từ tháng 07/2004 - 07/2005	:	Giám đốc phụ trách khách hàng Công ty Quảng cáo 141/Bates
- Từ tháng 07/2005 - 07/2007	:	Phó giám đốc Kinh doanh Nhượng quyền Trung Nguyên Coffee
- Từ tháng 07/2007 - 07/2009	:	Giám đốc dự án thương mại điện tử 123mua! Giám đốc dự án Thanh toán điện tử và phân phối điện tử Vinagame (cũ), bây giờ là VNG
- Từ tháng 09/2009 - 07/2011	:	Giám đốc kinh doanh và quản trị dự án Công ty Cổ phần dịch vụ Thẻ Smartlink
- Từ tháng 07/2011 - 04/2015	:	Trưởng đại diện tại Tp.Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Dịch vụ Thẻ Smartlink (đã được NHNN sáp nhập vào Banknetvn)
- Từ tháng 04/2015 - tháng 06/2015	:	Chuyên viên Công ty Cổ phần Chuyển mạch tài chính quốc gia Banknetvn
- Từ 06/2015 - 04/2016	:	Trưởng đại diện Banknet Công ty Cổ phần Chuyển mạch tài chính quốc gia Banknetvn (từ tháng 04/2016 đổi tên thành Công ty Cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam NAPAS)
- Từ tháng 04/2016 - nay	:	Trưởng đại diện NAPAS Công ty Cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam NAPAS
- Từ 04/2021 đến nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Trưởng đại diện NAPAS Công ty Cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam NAPAS
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

II. BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên BKS như sau:

Bảng 32: Danh sách thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Việt Phương	Trưởng BKS
2	Trần Hồng Giang	Thành viên BKS
3	Phạm Lê Lạc Thu	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch các thành viên BKS:

1. Ông Trần Việt Phương - Trưởng BKS

Ông	:	Trần Việt Phương
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/12/1978
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND/CCCD	:	025078000487
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 63, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Tiến sỹ Kinh doanh và quản trị
Quá trình công tác	:	
- Từ 2001 – 2003	:	Kiểm toán viên Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- Từ 2003 – 2004	:	Học Thạc sĩ tài chính tại trường Đại học Leeds (Vương quốc Anh)
- Từ 2004 – 2008	:	Nghiên cứu sinh Tiến sỹ tại trường Đại học Nottingham (Vương quốc Anh)
- Từ 2008 – 2009	:	Tư vấn quản trị tại trường Đại học Nottingham (Vương quốc Anh)
- Từ 2009 – 2018	:	Giám đốc Kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Từ 06/2018 – nay	:	Trưởng BKS Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Trưởng BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	200.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,29% vốn điều lệ
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	200.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,29% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

2. Ông Trần Hồng Giang - Thành viên BKS

Ông	:	Trần Hồng Giang
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	14/09/1983
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND/CCCD	:	012094722
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	410, C4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật, Kế toán – kiểm toán
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 01/2007 – 05/2009	:	Nhân viên kế toán Công ty Ô tô Toyota Việt Nam
- Từ tháng 06/2009 – 10/2009	:	Thư ký Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Từ tháng 01/2010 – 03/2016	:	Chủ nhiệm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ACA
- Từ tháng 12/2019 – nay	:	Giám đốc Công ty TNHH tư vấn và thẩm định giá Galaxy Việt Nam
- Từ tháng 04/2016 – nay	:	Thành viên BKS Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Giám đốc Công ty TNHH tư vấn và thẩm định giá Galaxy Việt Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

3. Bà Phạm Lê Lạc Thu - Thành viên BKS

Bà	:	Phạm Lê Lạc Thu
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	21/10/1985
Nơi sinh	:	Thành phố Hồ Chí Minh
Số CMND/CCCD	:	079185020005
Quốc tịch	:	Việt Nam

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	49/38 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 10/2008 – 07/2017	:	Kế toán tổng hợp Công ty FPT
- Từ tháng 08/2017 – nay	:	Thành viên BKS Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

III. BAN ĐIỀU HÀNH

Danh sách thành viên Ban điều hành của Công ty như sau:

Bảng 33: Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Vũ Thục Quyên	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Phương Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Huỳnh Lê Khanh	Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Thị Vân Anh	Kế toán trưởng

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban điều hành:

1. Ông Hồ Minh Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đã nêu tại Mục I.2 Phần II.

2. Bà Vũ Thục Quyên – Phó Tổng Giám đốc

Bà	: Vũ Thục Quyên
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 09/06/1965
Nơi sinh	: Hải Phòng
Số CMND/CCCD	: 031165001854
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Căn hộ số 10 AP5 – 17+18+RF, Lô R1-3, Khu phố Sky Garden 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính – Tín dụng, Tiếng Anh, Tín dụng đối ngoại
Quá trình công tác	:
- Từ tháng 11/1993 – 06/2007	: Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Indovina chi nhánh Hà Nội
- Từ tháng 07/2007 – 06/2008	: Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
- Từ tháng 07/2008 – 08/2009	: Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)
- Từ tháng 09/2009 – 12/2011	: Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Từ tháng 01/2012 – 06/2016	: Kế toán Trưởng Công ty Home Credit Việt Nam
- Từ tháng 07/2016 – 12/2016	: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Kỹ thuật Toàn Thắng
- Từ tháng 03/2017 – nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

3. Ông Lê Phương Hải – Phó Tổng Giám đốc

Ông	:	Lê Phương Hải
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	12/06/1978
Nơi sinh	:	Hải Phòng
Số CMND/CCCD	:	031078004564
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	2504 Ruby 2, Saigon Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Kinh tế phát triển
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 02/2005 – 09/2014	:	Trưởng phòng Chấm điểm Tín dụng Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)
- Từ 2009 – nay	:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Giáo dục SuperMind
- Từ 2012 – nay	:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giáo dục Buratino

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

- Từ tháng 09/2014 – 2016	:	Giám đốc Khối phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
- Từ 2016 – 05/2017	:	Giám đốc Khối phát triển kinh doanh, Trưởng Phòng Kế hoạch Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
- Từ 10/2017 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Giáo dục SuperMind; - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giáo dục Buratino
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

4. Ông Huỳnh Lê Khanh – Phó Tổng Giám đốc

Ông	:	Huỳnh Lê Khanh
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	02/06/1975
Nơi sinh	:	Hà Nội
Số CMND/CCCD	:	001075018037
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Địa chỉ thường trú	:	Số 1 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Cơ khí, Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	
- Từ tháng 04/2004 – 08/2006	:	Nhân viên kỹ thuật Công ty Nissei Denki Japan
- Từ tháng 09/2006 – 10/2007	:	Quản lý nhà máy Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội
- Từ tháng 11/2007 – 02/2017	:	Giám đốc nhân sự Công ty TNHH Nissei Electric Hà Nội
- Từ tháng 05/2017 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

5. Bà Trần Thị Vân Anh – Kế toán trưởng

Bà	:	Trần Thị Vân Anh
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	04/09/1986
Nơi sinh	:	Lâm Thao, Phú Thọ
Số CMND/CCCD	:	25186005817

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Căn hộ 2B - nhà B3, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế và quản lý địa chính – Đại học Kinh tế quốc dân
Quá trình công tác	:	
- Từ 2009 - 2011	:	Nhân viên Công ty TNHH giao nhận và tiếp vận Sao Việt
- Từ 2011 - 2016	:	Chuyên viên kế toán Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
- Từ 2016 - 2017	:	Trưởng bộ phận kế toán tổng hợp Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
- Từ 2017 - 07/2021	:	Phó phòng Kế toán Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
- Từ 07/2021 - nay	:	Kế toán trưởng Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt
Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty	:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không

IV. KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong thời gian tới, Công ty sẽ từng bước rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện và trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các quy định, quy chế nội bộ về quản trị Công ty nhằm tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

V. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Bảng 34: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại Công ty	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại Công ty (%)
I	Thành viên HĐQT				
1	Nguyễn Đức Phương	Chủ tịch HĐQT		2.969.215	4,32%
1.1	Nguyễn Đức Chung		Bố đẻ	0	0%
1.2	Phạm Thị Ngọc Uyên		Mẹ đẻ	0	0%
1.3	Nguyễn Ái Linh		Vợ	480.000	0,70%
1.4	Nguyễn Phương Minh		Con ruột	0	0%
1.5	Nguyễn Phương Nhi		Con ruột	0	0%
1.6	Nguyễn Đức Minh		Con ruột	0	0%
1.7	Nguyễn Đức Cầu		Em ruột	0	0%
1.8	Hoàng Cẩm Châu		Em dâu	0	0%
1.9	Nguyễn Đức Thành		Em ruột	0	0%
1.10	Trịnh Bảo Ngọc		Em dâu	0	0%
1.11	Nguyễn Đức Ái		Bố vợ	0	0%
1.12	Trần Minh Hiền		Mẹ vợ	0	0%
2	Hồ Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		0	0%
2.1	Nguyễn Thị Thanh Hoa		Vợ	1.718.900	2,50%
2.2	Hồ Thanh Vi		Con ruột	0	0%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại Công ty	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại Công ty (%)
2.3	Hồ Thanh Mai		Con ruột	0	0%
2.4	Hồ Thiệu Hùng		Bố đẻ	0	0%
2.5	Phạm Kim Yến		Mẹ đẻ	0	0%
2.6	Hồ Minh Trí		Anh ruột	0	0%
2.7	Nguyễn Lê Phương Thúy		Chị dâu	0	0%
2.8	Nguyễn Văn Việt		Bố vợ	0	0%
2.9	Nguyễn Thị Gái		Mẹ vợ	0	0%
3	Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành		2.322.390	3,38%
3.1	Nguyễn Chí Thành		Bố đẻ	0	0%
3.2	Phan Thị Út		Mẹ đẻ	0	0%
3.3	Nguyễn Hương Giang		Em ruột	0	0%
3.4	Dương Quỳnh Anh		Vợ	0	0%
3.5	Nguyễn Trâm Anh		Con ruột	0	0%
3.6	Nguyễn Chí Nam Anh		Con ruột	0	0%
3.7	Khuông Xuân Thảo		Em rể	0	0%
3.8	Trần Thị Bích Thủy		Mẹ vợ	0	0%
4	Phạm Hải Âu	Thành viên HĐQT không điều hành		100.000	0,15%
4.1	Phạm Ngọc Hải		Bố đẻ	0	0%
4.2	Phạm Thị Kim Yến		Mẹ đẻ	0	0%
4.3	Đặng Thu Phương		Vợ	0	0%
4.4	Phạm Khôi Nguyên		Con ruột	0	0%
4.5	Phạm Trúc Linh		Con ruột	0	0%
4.6	Phạm Hải Anh		Em ruột	0	0%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại Công ty	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại Công ty (%)
4.7	Nguyễn Thị Thanh Thúy		Em dâu	0	0%
5	Nguyễn Quang Tuân	Thành viên HĐQT không điều hành		0	0%
5.1	Nguyễn Trọng Đàm		Bố đẻ	0	0%
5.2	Phạm Thị My		Mẹ đẻ	0	0%
5.3	Vũ Thị Cẩm Bình		Vợ	0	0%
5.4	Nguyễn Thiện Minh		Con ruột	0	0%
5.5	Nguyễn Vũ Bình Nhi		Con ruột	0	0%
5.6	Nguyễn Cát Bảo Châu		Con ruột	0	0%
5.7	Vũ Việt My		Bố vợ	0	0%
5.8	Văn Thị Tản		Mẹ vợ	0	0%
5.9	Tổng Công ty Xi măng Việt Nam		Người đại diện vốn tại Vietcredit	10.034.732	14,59%
6	Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT độc lập		0	0%
6.1	Nguyễn Lâm Trung		Bố đẻ	0	0%
6.2	Đặng Bích Ngà		Mẹ đẻ	0	0%
6.3	Trần Thị Kim Hà		Vợ	0	0%
6.4	Nguyễn Hà Trang		Con ruột	0	0%
6.5	Nguyễn Ngọc Lưu Ly		Chị ruột	0	0%
6.6	Trần Ngọc Minh		Anh rể	0	0%
6.7	Trần Văn Hải		Bố vợ	0	0%
6.8	Phan Thị Tuyết Hằng		Mẹ vợ	66.354	0,10%
6.9	Công ty TNHH Firebird Investment		Tổng Giám đốc	0	0%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại Công ty	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại Công ty (%)
6.10	Công Ty Cổ phần Phoenix Clean Power		Chủ tịch Hội đồng quản trị	0	0%
6.11	Công ty TNHH Thương Mại MaxToTo		Thành viên Hội đồng thành viên	0	0%
6.12	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt		Thành viên HĐQT	0	0%
6.13	Công Ty TNHH Phoenix Holdings		Tổng Giám đốc	0	0%
7	Ông Nguyễn Đức Huỳnh	Thành viên HĐQT không điều hành		0	0%
7.1	Nguyễn Văn Lưu		Bố đẻ	0	0%
7.2	Vũ Thị Hiền		Mẹ đẻ	0	0%
7.3	Nguyễn Đức Anh		Con ruột	0	0%
7.4	Nguyễn Đức Minh		Con ruột	0	0%
7.5	Nguyễn Thị Hoài Anh		Em ruột	0	0%
7.6	Lê Triệu Dũng		Em rể	0	0%
II	Ban kiểm soát				
1	Trần Việt Phương	Trưởng BKS		200.000	0,29%
1.1	Trương Hạnh Linh		Vợ	0	0%
1.2	Trần Tuế		Bố đẻ	0	0%
1.3	Ma Thị Bích Liên		Mẹ đẻ	0	0%
1.4	Trần Minh Hà		Con ruột	0	0%
1.5	Trần Minh Châu		Con ruột	0	0%
1.6	Trần Ngọc Lâm		Em ruột	0	0%
1.7	Hoàng Thị Quỳnh Hoa		Em dâu	0	0%
1.8	Trương Lâm Phước		Bố vợ	0	0%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại Công ty	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại Công ty (%)
1.9	Phan Thị Vân		Mẹ vợ	0	0%
2	Trần Hồng Giang	Thành viên BKS		0	0%
2.1	Trần Phú Đông		Bố đẻ	0	0%
2.2	Nguyễn Thị Bích Thuận		Mẹ đẻ	0	0%
2.3	Trần Tuấn Kiệt		Con ruột	0	0%
2.4	Trần Ngọc Nam		Anh ruột	0	0%
2.5	Trần Bích Loan		Chị ruột	0	0%
2.6	Nguyễn Hồng Tiến		Anh rể	0	0%
2.7	Công ty TNHH tư vấn và thẩm định giá Galaxy Việt Nam		Giám đốc	0	0%
3	Phạm Lê Lạc Thư	Thành viên BKS		0	0%
3.1	Phạm Phước Tư		Bố đẻ	0	0%
3.2	Lê Thị Phú		Mẹ đẻ	0	0%
3.3	Đỗ Vân Vũ		Chồng	0	0%
3.4	Đỗ Thục Uyên		Con ruột	0	0%
3.5	Đỗ Thùy Anh		Con ruột	0	0%
3.6	Đỗ Phương Thảo		Con ruột	0	0%
3.7	Phạm Lê Hoàng Thư		Em ruột	0	0%
3.8	Trương Thị Mộng Liên		Em dâu	0	0%
3.9	Đỗ Châu		Bố chồng	0	0%
3.10	Đặng Thị Phương		Mẹ chồng	0	0%
III	Ban điều hành				
1	Hồ Minh Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã nêu ở Mục Thành viên HĐQT ở trên)				

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại Công ty	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại Công ty (%)
2	Vũ Thục Quyên	Phó Tổng Giám đốc		0	0%
2.1	Vũ Cao Đàm		Bố đẻ	0	0%
2.2	Lê Thị Bầy		Mẹ đẻ	0	0%
2.3	Phan Hữu Minh		Chồng	0	0%
2.4	Phan Vũ Anh		Con ruột	0	0%
2.5	Phan Anh Đức		Con ruột	0	0%
2.6	Vũ Thế Minh		Em ruột	0	0%
2.7	Vũ Phương Thảo		Em ruột	0	0%
2.8	Phạm Hương Giang		Em dâu	0	0%
2.9	Nguyễn Thị Lan		Mẹ chồng	0	0%
3	Lê Phương Hải	Phó Tổng Giám đốc		0	0%
3.1	Nguyễn Thị Huyền Thu		Vợ	0	0%
3.2	Lê Nguyễn Gia Hưng		Con ruột	0	0%
3.3	Lê Nguyễn Gia Huy		Con ruột	0	0%
3.4	Lê Xân		Bố đẻ	0	0%
3.5	Phạm Thị Thi		Mẹ đẻ	0	0%
3.6	Nguyễn Trọng Dũng		Bố vợ	0	0%
3.7	Nguyễn Thị Thanh		Mẹ vợ	0	0%
3.8	Lê Tiệp		Em rể	0	0%
3.9	Lê Hà Phương		Em ruột	0	0%
3.10	Lê Minh Quang		Em ruột	0	0%
3.11	Nguyễn Thị Yến		Em dâu	0	0%
3.12	Công ty TNHH Giáo dục SuperMind		Chủ tịch Hội đồng thành viên	0	0%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại Công ty	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu tại Công ty (%)
3.13	Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Buratino		Chủ tịch HĐQT	0	0%
4	Huỳnh Lê Khanh	Phó Tổng Giám đốc		0	0%
4.1	Huỳnh Văn Cẩm		Bố đẻ	0	0%
4.2	Lê Thị Hồng Oanh		Mẹ đẻ	0	0%
4.3	Huỳnh Thị Thục Quyên		Chị ruột	0	0%
4.4	Nguyễn Xuân Thành		Anh rể	0	0%
4.5	Đoàn Thị Khánh Nga		Vợ	0	0%
4.6	Trần Thị Quyên		Mẹ vợ	0	0%
4.7	Huỳnh Lê Khánh Nam		Con ruột	0	0%
4.8	Huỳnh Lê Khánh Duy		Con ruột	0	0%
5	Trần Thị Vân Anh	Kế toán trưởng		0	0%
5.1	Trần Trung Thông		Chồng	0	0%
5.2	Trần Mai Phương		Con ruột	0	0%
5.3	Trần Tuệ Minh		Con ruột	0	0%
5.4	Trần Đức Minh		Con ruột	0	0%
5.5	Trần Văn Đồng		Bố đẻ	0	0%
5.6	Vũ Thị Thu Hà		Mẹ đẻ	0	0%
5.7	Trần Thị Ngân		Chị gái	0	0%
5.8	Trần Vũ Anh Tuấn		Em trai	0	0%
5.9	Trần Quốc Toàn		Bố chồng	0	0%
5.10	Nguyễn Thị Thoan		Mẹ chồng	0	0%
5.11	Công ty TNHH công nghệ trắc địa Minh Phương		Thành viên góp vốn	0	0%

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Nguồn: Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

VI. THỐNG KÊ CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN THEO QUY ĐỊNH (CÁC GIAO DỊCH LIÊN QUAN PHÁT SINH TRONG NĂM VÀ KỲ GẦN NHẤT)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

Bảng 35: Số dư với các bên liên quan

Đơn vị tính: triệu đồng

Bên liên quan	Các giao dịch	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
		Tài sản/(Nợ phải trả)	Tài sản/(Nợ phải trả)	Tài sản/(Nợ phải trả)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (cổ đông lớn)	Phải trả lãi nhận ủy thác quản lý vốn (“UTQLV”), ủy thác quản lý dòng tiền (“UTQLDT”)	(371)	(263)	(938)
	Nhận UTQLV, UTQLDT	(41.027)	(33.682)	(1.486)
Các Công ty con của cổ đông lớn (Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng; CTCP Vicem Thương mại Xi măng; CTCP Xi măng Bim Sơn; Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp; CTCP Thương mại Xi măng; CTCP Xi măng Hải Vân; CTCP Xi măng Hoàng Mai; CTCP Xi măng Bút Sơn;	Nhận UTQLV, UTQLDT	(37.301)	(94)	-
	Phải trả lãi nhận UTQLV, UTQLDT	(346)	(1)	(1)
	Phát hành giấy tờ có giá	-	(50.000)	(50.000)
	Lãi phải trả cho phát hành giấy tờ có giá	-	(4.596)	(1.719)

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

CTCP Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng; CTCP Thạch cao Xi măng; CTCP Xi măng Hạ Long)				
Công ty có góp vốn cổ phần (Công ty cổ phần Med-Aid Công Minh; Công ty cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất)	Góp vốn đầu tư	14.509	14.509	14.509
	Phải thu phí thu xếp vốn	2.191	2.191	2.191

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Các giao dịch lớn với các bên liên quan giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

Bảng 36: Các giao dịch lớn với các bên liên quan

Đơn vị tính: triệu đồng

Bên liên quan	Các giao dịch	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
		Thu nhập/(Chi phí)	Thu nhập/(Chi phí)	Thu nhập/(Chi phí)
HĐQT, Ban điều hành, BKS	Thù lao của Thành viên HĐQT	(2.036)	(2.308)	(2.059)
	Lương thưởng của Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành	(7.634)	(6.139)	(7.088)
	Thù lao của thành viên BKS	(971)	(998)	(838)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (cổ đông lớn)	Chi phí lãi nhận UTQLV, UTQLDT	(3.123)	(1.419)	(1)
	Doanh thu phí nhận UTQLV, UTQLDT	11	3	-

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Bên liên quan	Các giao dịch	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
		Thu nhập/(Chi phí)	Thu nhập/(Chi phí)	Thu nhập/(Chi phí)
Các Công ty con của cổ đông lớn (Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng; CTCP Vicem Thương mại Xi măng; CTCP Xi măng Bim Sơn; Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp; CTCP Thương mại Xi măng; CTCP Xi măng Hải Vân; CTCP Xi măng Hoàng Mai; CTCP Xi măng Bút Sơn; CTCP Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng; CTCP Thạch cao Xi măng; CTCP Xi măng Hạ Long)	Doanh thu phí nhận UTQLV, UTQLDT	3	1	-
	Chi phí lãi nhận UTQLV, UTQLDT	(4.210)	(474)	-
	Doanh thu phí tư vấn	600	276	-
	Chi phí lãi giấy tờ có giá đã phát hành	(428)	(4.935)	(1.055)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và Báo cáo soát xét 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

PHẦN III. PHỤ LỤC

- I. Phụ lục 01: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty
- II. Phụ lục 02: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
- III. Phụ lục 03: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC 09 tháng đầu năm 2021 của Công ty

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2021

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ MINH TÂM

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI**



NGUYỄN QUANG BẢO